

SỞ GD & ĐT TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN ĐÌNH PHÙNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẮK NÔNG - 2022

SỞ GD & ĐT TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN ĐÌNH PHÙNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Trần Văn Hiến	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Ngô Cự Quý	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Lê Thị Huệ	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
4	Lê Hữu Hùng	Bí Thư Đoàn thanh niên	Ủy viên Hội đồng	
5	Nguyễn Văn Bồi	Tổ trưởng Tổ văn phòng	Ủy viên Hội đồng	
6	Nguyễn Đình Hùng	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
7	Huỳnh Thị Phương	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
8	Nguyễn Nhật Nam	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
9	Nguyễn Chiến Thắng	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
10	Nguyễn Văn Dũng	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
11	Lê Tân Phong	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
12	Trần Thị Thương	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
13	Lê Nguyễn Diệu Tiên	Văn Thư	Ủy viên Hội đồng	
14	Nguyễn Thị Trang	Y Tế	Ủy viên Hội đồng	
15	Hoàng Thu Phương	Nhân Viên	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	19
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	19
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	19
Mở đầu	19
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	19
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	21
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	22
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	24
Tiêu chí 1.5: Lớp học	26
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	28
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	29
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	31
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	32
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	34
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	36

Tiêu chuẩn 2 : Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	36
Mở đầu	37
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	37
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	38
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	40
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	42
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	43
Tiêu chuẩn 3 : Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	44
Mở đầu	44
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	45
Tiêu chí 3.2: Phòng học	46
Tiêu chí 3.3: Khôi hành chính - quản trị	48
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	50
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	51
Tiêu chí 3.6: Thư viện	52
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	54
Tiêu chuẩn 4 : Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	54
Mở đầu	54
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	55
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	57
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	58
Tiêu chuẩn 5 : Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	59
Mở đầu	59
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	59

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	62
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	63
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	64
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	66
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	68
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	71
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	71
Phần IV. PHỤ LỤC	72

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	✓	Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2.
2	CNTT	Công nghệ thông tin
3	BCH	Ban chấp hành
4	BHXXH	Bảo hiểm Xã hội
5	BHYT	Bảo hiểm y tế
6	CBGVNV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên
7	CBVC	Cán bộ viên chức
8	CLGD	Chất lượng giáo dục
9	CMHS	Cha mẹ học sinh
10	GD & ĐT	Giáo dục và đào tạo
11	GDQP-AN	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
12	GVBMM	Giáo viên bộ môn
13	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
14	HĐGD	Hoạt động giáo dục
15	HS	Học sinh
16	KĐCL	Kiểm định chất lượng
17	KT-XH	Kinh tế xã hội
18	QLGD	Quản lý giáo dục
19	SGK	Sách giáo khoa
20	TDTT	Thể dục thể thao
21	THPT	Trung học phổ thông
22	TNCS	Thanh niên cộng sản
23	UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X

Tiêu chí 3.4		X	X	✓
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X		
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	✓
Tiêu chí 5.4		X	X	✓
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 1

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt mức 1

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN ĐÌNH PHÙNG

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Sở GD & ĐT tỉnh Đắk Nông

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	ĐẮK NÔNG
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Đắk Song
Xã / phường/thị trấn	Xã Đắk Rung
Đạt CQG	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2010
Công lập	√
Tư thục	
Trường chuyên biệt	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên hiệu trưởng	Trần Văn Hiền
Điện thoại	
Fax	
Website	
Số điểm trường	
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Khối lớp 10	5	5	5	6	5
Khối lớp 11	5	4	4	4	5
Khối lớp 12	4	4	4	3	4
Cộng	14	13	13	13	14

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	18	26	26	26	26	
1	Phòng học	18	18	18	18	18	
a	Phòng kiên cố	18	18	18	18	18	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	6	6	6	6	6	
a	Phòng kiên cố	6	6	6	6	6	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	18	18	18	18	18	

a	Phòng kiên cố	18	18	18	18	18	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính-quản trị	9	9	9	9	9	
1	Phòng kiên cố	9	9	9	9	9	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	0	0	0	0	0	
	Cộng						

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	0	0	0	2	0	
Giáo viên	29	19	3	0	28	1	
Nhân viên	5	4	0	0	4	1	
Cộng	37	23	3	0	34	3	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
1	Tổng số giáo viên	29	29	29	29	29
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2.07	2.23	2.23	2.23	2.07
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.067	0.068	0.063	0.053	0.048
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	3
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	428	425	454	538	603	
	- Nữ	212	228	243	269	297	
	- Dân tộc	47	52	51	55	80	
	- Khối lớp 10	167	161	190	248	237	
	- Khối lớp 11	133	141	128	170	202	
	- Khối lớp 12	128	123	136	120	164	
2	Tổng số tuyển mới	167	160	190	224	237	
3	Học 2 buổi/ngà y	425	420	450	530	580	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	33	33	35	42	43	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	100	100	100	100	100	
	- Nữ	100	100	100	100	100	
	- Dân tộc thiểu số	100	100	100	100	100	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	0	0	0	6	10	
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	0	0	2	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng						

	chính sách						
	- Nữ	0	0	0	0	0	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
12	Tổng số học sinh (trẻ em) khuyết tật, hoà nhập	0	0	0	2	0	
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	10.98	12.94	14.98	15.59	14.31	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	37.85	39.76	42.73	38.6	41.23	
Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình	43.46	40.94	37.22	40.35	41.74	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	6.08	5.41	3.52	4.87	2.72	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	74.3	76.94	81.5	80.31	77.95	

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	18.93	19.76	16.08	18.13	19.15	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	4.44	3.06	0.66	0.97	2.91	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu	0.93	0	0.22	0	0	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường THPT Phan Đình Phùng được thành lập theo Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, trên cơ sở tách ra từ trường THPT Đắk Song. Trường đứng chân tại xã ĐắkNDRung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Năm học 2021 - 2022, trường có 14 lớp với 603 học sinh ở 03 khối lớp và 37 cán bộ, giáo viên, nhân viên; 100% cán bộ, giáo viên nhân viên đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó có 03 thạc sĩ. Vượt qua bao khó khăn, tập thể sư phạm đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Vì vậy CLGD từng bước được nâng lên. Kết quả thi tốt nghiệp THPT cao hơn mặt bằng chung của tỉnh, số lượng giải kỳ thi HS giỏi cấp tỉnh luôn tăng dần, tỷ lệ HS đỗ vào các trường Đại học, Cao đẳng hằng năm được nâng lên.

Với diện tích là 22.505m², trường có 18 phòng học, 02 phòng thực hành Tin, 02 phòng thực hành Hoá-Sinh, 01 phòng thực hành vật lý, 01 phòng học tiếng anh, 01 thư viện, 01 nhà đa năng và khu phòng hiệu bộ khang trang. Đặc biệt nhà trường có kết nối Wifi, các phòng học được trang bị tivi, phòng làm việc được trang bị máy tính, đầy đủ trang thiết bị... Cơ sở vật chất của nhà trường đã đáp ứng tương đối tốt nhu cầu học tập và giảng dạy của giáo viên và HS.

Chi bộ của trường nhiều năm liền đạt danh hiệu “Trong sạch vững mạnh”, luôn phát huy tốt vai trò lãnh đạo trong cơ quan. Công tác phát triển đảng viên luôn được chú trọng. Hiệu trưởng nhà trường đã có những biện pháp tích cực để nâng cao chất lượng đội ngũ. Tranh thủ sự quan tâm của các cấp chính quyền và Hội CMHS; nhà trường đã kết hợp với Công đoàn chăm lo tốt đời sống cán bộ, giáo viên nhân viên, tạo mọi điều kiện tốt nhất để cán bộ, giáo viên nhân viên ở xa về yên tâm công tác, phục vụ lâu dài ở địa phương.

Công đoàn, Đoàn trường và các đoàn thể khác đã phát huy tốt vai trò trách nhiệm của mình, phối hợp cùng nhà trường để tổ chức nhiều hoạt động thiết thực góp phần hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ đã đề ra. Công đoàn trường nhiều năm công nhận công đoàn xuất sắc, Đoàn trường được cấp trên công nhận đơn vị vững mạnh xuất sắc, được nhận bằng khen của Trung ương Đoàn. Nhà trường có đội ngũ cán bộ giáo có kinh nghiệm, năng động, nhiệt tình, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, khiêm tốn, chịu khó học tập; HS năng nổ, tích cực chủ động, vượt khó trong học tập và rèn luyện. Nhiều năm qua, tập thể sư phạm nhà trường được công nhận là tập thể lao động tiên tiến; nhiều giáo viên được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, lao động tiên tiến, bằng khen của Bộ GD & ĐT, bằng khen của UBND tỉnh; các tổ chuyên môn đều đạt tập thể lao động tiên tiến...

Cùng với các hoạt động dạy và học, để giáo dục toàn diện cho HS, nhà trường đã chỉ đạo tốt công tác giáo dục môi trường, sức khỏe sinh sản vị thành niên. Chỉ đạo Đoàn trường tổ chức thành công các hoạt động bề nổi như: “HS với an toàn giao thông”, hội diễn văn nghệ “ Nhớ ơn người giáo viên nhân dân”, các hoạt động TDTT chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, tổ chức các hoạt động ngoại khóa như: Đố vui để học, tổ chức các hoạt động từ thiện “Giấy vụn góp yêu thương”, “Heo đất tiếp sức đến trường & tết yêu thương”... Thông qua những hoạt động này nhà trường đã giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tư tưởng chính trị, truyền thống lịch sử, ...nhằm định hướng ở HS lối sống lành mạnh, trở thành người có ích cho gia đình, nhà trường và xã hội.

Thời gian hơn 10 năm qua là một chặng đường đầy khó khăn và thử thách đối với thầy và trò nhà trường. Trường THPT Phan Đình Phùng hôm nay vẫn còn rất nhiều khó khăn, cơ sở vật chất đã được trang bị nhưng chưa thể đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và nhiệm vụ dạy học,... Nhưng hy vọng mọi khó khăn đó chỉ là tạm thời. Những năm tiếp theo nhà trường ra sức thực hiện tốt hơn nhiệm vụ của mình nhằm đạt được những mục tiêu trong định hướng chiến lược phát triển giáo dục của trường 2020-2025 và tầm nhìn 2030.

2. Mục đích TĐG

Nhà trường xác định, trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giáo dục giữ một vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần vào việc xây dựng một nền kinh tế tri thức. Để đáp ứng với xu thế hội nhập của ngành giáo dục và sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, chính quyền địa phương, sự tin yêu của nhân dân.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra thực trạng của nhà trường từ đó xác định điểm mạnh, điểm yếu theo từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGD&ĐT) ban hành. Quá trình tự đánh giá nhà trường thực hiện theo các yêu cầu cụ thể được quy định trong Thông tư 18/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận 12 trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá, xây dựng kế hoạch, huy động các nguồn lực, tập hợp các minh chứng cho quá trình tự đánh giá; tuyên truyền phổ biến đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội và nhân dân địa phương hiểu rõ mục đích, phạm vi của quá trình tự đánh giá, đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông. Sau khi tự đánh giá, nhà trường xem xét cụ thể các chỉ báo của từng tiêu chí, phát huy những nội dung đã được đánh giá đạt, xây dựng cụ thể kế hoạch cải tiến chất lượng cho những chỉ số chưa đạt hoặc đạt ở mức thấp. Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành xem xét và đánh giá đầy đủ 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí; toàn bộ các tiêu chí được tự đánh giá ở mức 1, 2, 3 (không tự xem xét, đánh giá tiêu chí mức 4).

Hội đồng tự đánh giá thực hiện theo Quyết định số /QĐ-PDP ngày tháng 11 năm 2021 của Trường THPT Phan Đình Phùng, gồm 15 thành viên. Ngoài ra Hội đồng tự đánh giá còn thành lập 05 nhóm công tác chuyên trách. Hội đồng tự đánh giá đã triển khai các cuộc họp để thống nhất quá trình đánh giá, phân công công việc, trách nhiệm của từng thành viên trong hội đồng.

Mỗi thành viên trong hội đồng đã thu thập tài liệu nghiên cứu đánh giá các chỉ số, sau đó thảo luận thống nhất mã hoá và đặt trong các hộp minh chứng đã được đánh số và lưu trữ. Từ tháng 11/2021 đến tháng 03/2022 các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá đã tìm kiếm, so sánh đối chiếu thông tin minh chứng. Trong quá trình tự đánh giá nhà trường đã sử dụng nhiều phương pháp và công cụ khác nhau: sử dụng các tài liệu Hướng dẫn, các Quy định, các Quy chế, Điều lệ nhà trường phổ thông và các Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, các công văn qui định, hướng dẫn, các Quyết định của Sở GD&ĐT Đắk Nông; tìm các công văn, tài liệu trong kho lưu trữ văn thư nhà trường hoặc các văn bản liên quan khác từ lãnh đạo trường, Chi bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Chi đoàn giáo viên, các tổ

chuyên môn, GVCN,... Quá trình thực hiện, các thành viên Hội đồng tự đánh giá đã sử dụng các phương tiện công nghệ để thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý, quản lý lưu trữ các thông tin, số liệu, hình ảnh có liên quan đến kiểm định CLGD nhà trường. Cuối tháng 03/2022 Hội đồng tự đánh giá cơ bản hoàn thành việc tự đánh giá các chỉ số và từng tiêu chí tập hợp thành bộ tiêu chí quản lý chất lượng và đã công khai để lấy ý kiến đóng góp của toàn hội đồng. Sau đó tổng hợp, hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Nhà trường xác định mục đích tự đánh giá là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, đồng thời đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn CLGD do Bộ GD&ĐT ban hành, từ đó xác định kế hoạch chiến lược phân đầu xây dựng, phát triển bền vững nhà trường, phấn đấu đạt trường chuẩn Quốc gia vào năm học 2024-2025.

Trường THPT Phan Đình Phùng tiến hành tự đánh giá theo quy trình:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá;
2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá;
3. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng;
4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí;
5. Viết báo cáo tự đánh giá;
6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Tất cả các bước trên đều được thực hiện theo công văn số 5932/BGDĐT- QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

Cụ thể:

Thời gian	Nội dung hoạt động	Người thực hiện	Ghi chú
Tuần 1 (15-20/11/2021)	- Họp hội đồng tự đánh giá (TĐG), thông qua kế hoạch TĐG, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. - Phổ biến kế hoạch TĐG đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường	Thành viên Hội đồng	
Tuần 2 (22-27/11/2021)	1. Tổ chức hội thảo/tập huấn/hội nghị về nghiệp vụ TĐG cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên liên quan. 2. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí.	Thành viên Hội đồng	
Tuần 3 - 4 (29/11-12/12)	1. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện: - Xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí (tiếp theo việc tuần 2); - Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. 2. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng. 3. Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí.	Thành viên Hội đồng	
Tuần 5 -7 (13-25/12)	Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí (tiếp theo việc tuần 3 - 4).	Thành viên Hội đồng	
Tuần 8 – 9 (27/12-08/01/2022)	Họp hội đồng TĐG để: - Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG (nếu có); - Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG; - Chính sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí (trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng); - Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có); - Dự thảo báo cáo TĐG.	Thành viên Hội đồng	
Tuần 10 (10-15/01)	Họp Hội đồng TĐG để: - Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG và các nội dung liên quan (nếu có);	Thành viên Hội đồng	

	- Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo TĐG; - Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung; - Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường; - Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG; - Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG sau khi có các ý kiến góp ý; - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng (nếu có).		
<i>Tuần 11 - 12 (17-29/01)</i>	1. Các thành viên của Hội đồng TĐG ký tên vào danh sách trong báo cáo TĐG. Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành. 2. Gửi báo cáo TĐG và công văn trong đó có nội dung đã hoàn thành hoạt động TĐG cho cơ quan quản lý trực tiếp để lấy ý kiến. 3. Chỉnh sửa, bổ sung các ý kiến của cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có). 4. Công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường). 5. Lưu trữ báo cáo TĐG, các minh chứng và các tài liệu liên quan theo quy định.	Thành viên Hội đồng	
<i>Tháng 3</i>	1. Tổ chức thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn. 2. Cập nhật lại báo cáo TĐG (nếu cần) trước khi thực hiện việc đăng ký ĐGN với cơ quan có thẩm quyền.	Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐ	

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường THPT Phan Đình Phùng xác định: Tổ chức và quản lý nhà trường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, giữ vai trò quyết định đến hiệu quả và chất lượng các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được mọi thành viên của nhà trường tham gia xây dựng, phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường; thường xuyên được rà soát, bổ sung, điều chỉnh và thống nhất cao trong tổ chức thực hiện.

Cơ cấu tổ chức nhà trường bao gồm:

- Chi bộ Đảng có 16 đảng viên, cấp ủy gồm 03 đồng chí (01 bí thư, 01 phó bí thư, 01 ủy viên).
- Ban Giám hiệu có 03 đồng chí.
- Hội đồng trường có 09 thành viên.
- Công đoàn nhà trường có 39 công đoàn viên được tổ chức trong 03 tổ công đoàn. Ban chấp hành công đoàn có 05 thành viên.
- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có 14 chi đoàn học sinh và 01 chi đoàn giáo viên.
- Nhà trường có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác như Hội đồng thi đua và khen thưởng, Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia, hội Chữ Thập đỏ, hội Khuyến học... thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định, hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Quản lý hành chính, tài chính, tài sản được nhà trường thực hiện nghiêm túc, đúng các quy định, có sự ưu tiên cho những nhiệm vụ trọng tâm từng năm học. Tài sản nhà trường được quản lý và kiểm soát chặt chẽ, được quan tâm bổ sung, sửa chữa kịp thời, đáp ứng nhu cầu hoạt động của nhà trường, phù hợp với yêu cầu của đổi mới giáo dục.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được phân công, sử dụng hợp lý đảm bảo hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ.

Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời. Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo; môi trường, cảnh quan nhà trường sạch, đẹp góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả giáo dục và hình ảnh, uy tín của nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

- a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*
- b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của cấp trên, tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, nhà trường đã xây dựng Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2019-2020; 2020-2021 định hướng đến năm 2025; Kế hoạch phát triển Giáo dục giai đoạn 2020-2025; Nghị quyết Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2020-2025 và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học [H1-1.1-01], [H1-1.1-02]. Các đề án, nghị quyết, kế hoạch của nhà trường được xây dựng rõ ràng, phù hợp mục tiêu giáo dục phổ thông cấp THPT được quy định tại Luật Giáo dục; phù hợp với phương hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương và nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-03]. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được cụ thể hóa trong các Nghị quyết của nhà trường và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H1-1.1-04].

Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 được xác định bằng văn bản và được Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông phê duyệt [H1-1.1-01].

Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học đã được thông báo công khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh được biết, được niêm yết tại bảng thông báo và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-05].

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn và thực hiện nhiệm vụ năm học thông qua các buổi họp cơ quan đầu năm, họp cơ quan hàng tháng, họp liên tịch giao ban định kỳ 2 lần/ tháng, họp định kỳ Hội đồng trường [H1-1.1-05], họp tổ chuyên môn, đoàn thể. Nhà trường tổ chức các hoạt động để thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường và được đăng tải hình ảnh tư liệu hoạt động trên trang web nhà trường.

Mức 3:

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.1-01]; và các Nghị quyết của Hội đồng trường [H1-1.1-04]. Khi tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch phát triển được xây dựng dựa trên các văn bản chỉ đạo của ngành, cấp trên và điều kiện thực tế tại trường và địa phương. Kế hoạch phát triển được xây dựng bằng văn bản xác định rõ mục tiêu phấn đấu, nhiệm vụ trọng tâm và biện pháp thực hiện trong từng giai đoạn của nhà trường.

Nội dung các mục tiêu và giải pháp thực hiện trong kế hoạch phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường, địa phương và mục tiêu giáo dục cấp THPT được quy định tại Luật Giáo dục.

Kế hoạch phát triển có sự tham gia đóng góp ý kiến và được thống nhất thực hiện với sự tham gia của mọi thành viên trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Chiến lược phát triển của nhà trường chưa được phê duyệt của các cấp có thẩm quyền.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục hoàn chỉnh văn bản, hồ sơ đề nghị cấp trên phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường và đăng trên website của trường trong thời gian tới.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT (Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và 16 trường phổ thông có nhiều cấp học). Cụ thể, Hội đồng trường Quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường; Quyết nghị về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; Giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-01], [H1-1.2-02], [H1-1.2-03].

Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập vào đầu mỗi năm học để giúp Hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, HS trong nhà trường. Hội đồng thi đua khen thưởng do Hiệu trưởng thành lập và làm Chủ tịch. Các thành viên của Hội đồng gồm: Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, tổ trưởng các tổ trong nhà trường tổng số thành viên của Hội đồng thi đua và khen thưởng 8 người. Hội đồng kỷ luật được thành lập để xét

hoặc xóa kỷ luật đối với HS theo từng vụ việc. Hội đồng kỷ luật do Hiệu trưởng quyết định thành lập và làm Chủ tịch. Các thành viên của Hội đồng gồm: Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, chủ tịch công đoàn, tổng số là 5 người. Hội đồng xét nâng lương – phụ cấp thâm niên được thành lập mỗi năm để giúp Hiệu trưởng rà soát, lập danh sách Cán bộ, giáo viên, nhân viên được nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên. Hội đồng xét nâng lương, phụ cấp thâm niên do Hiệu trưởng thành lập và làm Chủ tịch. Các thành viên của Hội đồng gồm: Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, tổ trưởng các tổ trong nhà trường, tổng số thành viên của Hội đồng là 7 người [H1-1.2-02], [H1-1.2-03].

Các hoạt động của các hội đồng định kì được thực hiện và soát đánh giá, được thể hiện trong Sổ ghi nghị quyết của nhà trường và của Hội đồng trường [H1-1.1-05] và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.1-04].

Mức 2:

Các hội đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, được thể hiện trong Sổ ghi nghị quyết của trường và nghị quyết của Hội đồng trường [H1-1.1-05], trong hồ sơ thi đua của Hội đồng thi đua, khen thưởng [H1-1.6-11] và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H1-1.1-04]. Trong năm học 2021-2022, nhà trường có 11 sáng kiến được cấp cơ sở với 2 loại B và 9 loại C; giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường 5.

2. Điểm mạnh

Các hội đồng được thành lập đúng cơ cấu và thành phần được quy định trong Điều lệ trường trung học và hướng dẫn của cấp trên. Các thành viên của các hội đồng thực hiện nhiệm vụ hiệu quả, đúng chức năng, dân chủ, trách nhiệm, góp phần tích cực vào việc thúc đẩy thi đua và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường mỗi năm học.

3. Điểm yếu

Hoạt động của Hội đồng trường chưa thực sự rõ nét.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của Hội đồng trường từ năm học 2022-2023.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Các tổ chức đều hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện tốt các mục tiêu giáo dục, thể hiện trong kế hoạch hoạt động của các tổ chức đoàn thể [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-04] và các văn bản có liên quan của các tổ chức khác [H1-1.3-02].

Hàng năm các hoạt động được rà soát, đánh giá; được thể hiện trong các báo cáo sơ kết, tổng kết hoặc các văn bản của cấp có thẩm quyền có đánh giá về hoạt động của các đoàn thể [H1-1.3-02] [H1-1.3-04] và các tổ chức khác.

Nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-07], Chi bộ nhà trường hiện nay có 16 đảng viên, trong đó có 15 đảng viên chính thức và 1 đảng viên dự bị. Chi bộ có cơ cấu tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam được thể hiện trong các sổ sách theo quy định của Chi bộ các văn bản của cơ quan chức năng có nhận xét, đánh giá về việc thực hiện các hoạt động của tổ chức Đảng [H1-1.3-09].

Trong 05 năm liên (từ năm 2015 đến năm 2020), Chi bộ nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn “Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1.3-09]. Năm 2021 Chi bộ hoàn thành nhiệm vụ.

Nhà trường có các tổ chức: Công đoàn [H1-1.3-03]; đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-01]; hội Chữ Thập đỏ; hội Khuyến học [H1-1.3-05], [H1-1.3-06].

Các tổ chức đều hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện tốt các mục tiêu giáo dục, thể hiện trong kế hoạch hoạt động của các tổ chức đoàn thể [H1-1.3-02], [H1-1.3-04]; và các văn bản có liên quan của các tổ chức khác [H1-1.1-04].

Hàng năm các hoạt động được rà soát, đánh giá; được thể hiện trong các báo cáo sơ kết, tổng kết hoặc các văn bản của cấp có thẩm quyền có đánh giá về hoạt động của các đoàn thể [H1-1.2-02]; và các tổ chức khác.

Mức 2:

Nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-07]. Chi bộ nhà trường hiện nay có 15 đảng viên đều là đảng viên chính thức. Chi bộ có cơ cấu tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam được thể hiện trong các sổ sách theo quy định của Chi bộ [H1-1.3-08]; các văn bản của cơ quan chức năng có nhận xét, đánh giá về việc thực hiện các hoạt động của tổ chức Đảng [H1-1.3-09].

Trong 05 năm liền (từ năm 2015 đến năm 2020), Chi bộ nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn “Tổ chức cơ sở đảng *hoàn thành tốt nhiệm vụ*” [H1-1.3-09]. Năm 2021 chi bộ hoàn thành nhiệm vụ.

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường thể hiện ở các đánh giá, ghi nhận của cấp trên qua các giấy khen, bằng khen của tổ chức, đoàn thể cấp trên tặng cho các tổ chức, đoàn thể của nhà trường như Giấy khen; bằng khen của Trung ương đoàn, tỉnh đoàn, giấy khen của huyện đoàn... và qua các hình ảnh hoạt động vì cộng đồng như chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ địa phương; thăm và tặng quà Tết cho các cụ già neo đơn; quyên góp chia sẻ, ủng hộ bạn bị tai nạn giao thông; hiến máu nhân đạo; tham gia các hoạt động trồng và chăm sóc cây, hoa trong khuôn viên trường và đường hoa công trình thanh niên 2022.

Mức 3:

Trong 05 năm liền kể trước khi đề nghị công nhận tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 2 năm *hoàn thành tốt nhiệm vụ*; *Các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên* [H1-1.3-09].

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường thể hiện ở các đánh giá, ghi nhận của cấp trên qua các giấy khen, bằng khen của tổ chức, đoàn thể cấp trên tặng cho các tổ chức, đoàn thể của nhà trường như Giấy khen; bằng khen của Trung ương đoàn, tỉnh đoàn, giấy khen của huyện đoàn... và qua các hình ảnh hoạt động vì cộng đồng như chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ địa phương; thăm và tặng quà Tết cho các cụ già neo đơn; quyên góp chia sẻ, ủng hộ bạn bị tai nạn giao thông; hiến máu nhân đạo; tham gia các hoạt động trồng và chăm sóc cây, hoa trong khuôn viên trường và đường hoa công trình thanh niên 2020 [H1-1.2-02], [H4-4.2-09], [H4-4.2-10], [H5-5.5-07], [H5-5.5-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể (Công đoàn, đoàn Thanh niên) và tổ chức khác (Khuyến học, Hội Chữ thập đỏ). Chi bộ Đảng, các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức, đều được cấp trên đánh giá có kết quả hoạt động tốt, được khen ngợi, góp phần giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục.

3. Điểm yếu

Nhà trường không còn hồ sơ lưu thể hiện các quyết định thành lập hội Khuyến học, hội Chữ thập đỏ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 nhà trường hoàn thiện các hồ sơ đề nghị hội Khuyến học huyện, hội Chữ thập đỏ huyện ra quyết định công nhận, kiện toàn hội Khuyến học, hội Chữ thập đỏ trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THPT Phan Đình Phùng có 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông bổ nhiệm [H2-2.1-03].

Nhà trường có 02 tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Mỗi tổ chuyên môn có tổ trưởng và 02 tổ phó chịu sự quản lý chỉ đạo của hiệu trưởng, do hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu của tổ chuyên môn và giao nhiệm vụ vào đầu năm học. Tổ Văn phòng gồm viên chức làm công tác văn thư – thủ quỹ; kế toán; nhân viên thư viện và nhân viên quản lý thiết bị; tổ Văn phòng có tổ trưởng, do hiệu trưởng bổ nhiệm và giao nhiệm vụ. Hiệu trưởng sinh hoạt cùng tổ văn phòng; các phó hiệu trưởng sinh hoạt theo tổ chuyên môn [H1-1.4-02].

Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch hoạt động của nhà trường, tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng, đợt. Dựa trên kế hoạch xây dựng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 Điều lệ trường trung học phổ thông, được thể hiện trong hồ sơ của các tổ [H1-1.4-03]; Sở nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường [H1-1.1-05]; Báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.1-04]; các loại biên bản về đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định và các loại biên bản về đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên năm học 2021-2022 [H1-1.4-04].

Mức 2:

Hàng năm, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, dựa trên nhu cầu thực tế của nhà trường, các tổ chuyên môn đã đề xuất và xây dựng kế hoạch tổ chức chuyên đề chuyên môn. Mỗi tổ đã đề xuất ít nhất 01 chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục [H1-1.4-05]; [H1-1.4-03].

Hàng tháng, theo qui định, tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức sinh hoạt tổ 2 lần. Nội dung sinh hoạt: đánh giá các công tác đã thực hiện trong tháng; xây dựng kế hoạch bài học, dự giờ theo hướng đổi mới; đề ra kế hoạch cho thời gian kế tiếp. Cuối năm học các tổ chuyên môn và tổ văn phòng tiến hành kiểm tra, đánh giá xếp loại hồ sơ cá nhân, việc thực hiện quy chế chuyên môn và các hoạt động giáo dục khác để đánh giá thi đua, đánh giá viên chức theo quy định [H1-1.4-04], [H2-2.3-04], [H1-1.2-02].

Mức 3:

Hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-04].

Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-03], [H1-1.7-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định. Các tổ có cơ cấu, tổ chức, có kế hoạch hoạt động và thực hiện đúng nhiệm vụ, chức năng theo quy định.

Số chuyên đề chuyên môn hàng năm tổ chuyên môn đề xuất nhiều, có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức hoạt động chuyên đề, ngoại khóa của các tổ chưa đồng đều và chưa đi vào chiều sâu.

Công việc giữa các thành viên trong tổ chưa đồng đều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục đổi mới sinh hoạt chuyên môn và đi sâu các chuyên đề chuyên môn để nâng cao chất lượng giảng dạy cho đội ngũ; các buổi sinh hoạt chuyên môn cần thực hiện một chuyên đề, nội dung cụ thể, tránh kiểu sinh hoạt theo hành chính, các cá nhân trong mỗi tổ phải có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác giảng dạy và cùng nhau xây dựng chuyên môn của tổ ngày càng đi sâu vào chất lượng hơn nữa. Trong các buổi sinh hoạt chuyên đề hay ngoại khóa nên cho học sinh cùng tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THPT Phan Đình Phùng được thành lập năm từ 2010. Năm học 2021-2022, năm học thứ 12 của nhà trường, nhà trường có đủ 3 khối lớp là khối lớp 10, khối lớp 11 và khối lớp 12 thể hiện trong sổ đăng bộ học sinh [H2-2.4-03] và trong sổ điểm điện tử trên vn.edu, cơ sở dữ liệu ngành.

Trong mỗi năm học, học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định (Điều 16. Điều lệ trường trung học). Mỗi lớp đều có ban cán sự lớp gồm lớp trưởng, 1 hoặc 2 lớp phó do tập thể lớp bầu ra; trong mỗi lớp được chia thành 4 tổ học sinh; mỗi tổ không quá 11 học sinh, có tổ trưởng và tổ phó do các thành viên trong tổ bầu ra. Việc bầu ra lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó được thực hiện vào đầu mỗi năm học dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp [H1-1.5-02], [H1-1.5-03].

Nhà trường đã thực hiện cho các lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, dưới sự định hướng của nhà trường, sự cố vấn, hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm. Mỗi lớp đều có Ban cán sự lớp, cán bộ đoàn được thành lập theo một quy trình dân chủ, tự nguyện phục vụ lợi ích học tập, giáo dục cho chính mình. Phát huy quyền làm chủ trong quá trình học tập, giáo dục. Học sinh có điều kiện hiểu rõ quyền và trách nhiệm trong môi trường giáo dục, được rèn các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tham gia, hợp tác trong các hoạt động ở lớp, trường. Mỗi lớp có quỹ lớp, thủ quỹ và các thành viên trong lớp được dân chủ bàn bạc, thống nhất việc trang bị các dụng cụ dùng chung, tự quản của lớp (rèm cửa, dụng cụ trực nhật, bình nước...) trên cơ sở có sự đồng ý của nhà trường, giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh [H1-1.5-02], [H1-1.5-03].

Mức 2:

Năm học 2021-2022, nhà trường có 14 lớp với 05 lớp 10, 05 lớp 11 và 04 lớp 12; sĩ số bình quân các lớp là 43 học sinh, thể hiện ở chỉ tiêu tuyển sinh đầu cấp được phê duyệt và danh sách trúng tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông; danh sách biên chế lớp học hàng năm của nhà trường [H2-2.4-02], [H1-1.5-04].

Mức 3:

Trong 2 năm gần đây, nhà trường luôn duy trì ổn định với 13 lớp, sĩ số trung bình mỗi lớp là 40 học sinh. Năm học 2021 - 2022 trường có 603 học sinh, chia làm 14 lớp, sĩ số trung bình là 43 HS/lớp. [H1-1.5-04].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đầy đủ các lớp của cấp học trung học phổ thông;
- Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định
- Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, có sự định hướng của nhà trường và sự đồng thuận của cha mẹ học sinh;
- Số lớp của nhà trường không quá 45; sĩ số bình quân mỗi lớp không quá 45 học sinh.

3. Điểm yếu

Học sinh ở đi lại quá xa nên ảnh hưởng rất lớn đến việc học tập của các em.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Ngay đầu mỗi năm học, nhà trường chỉ đạo các giáo viên chủ nhiệm các lớp tổ chức, hướng dẫn cho học sinh trong lớp bầu lớp trưởng, lớp phó; học sinh trong mỗi tổ bầu tổ trưởng, tổ phó; lưu biên bản trong hồ sơ chủ nhiệm và lập danh sách thông tin lớp báo cáo nhà trường.

- Nhà trường tổ chức Hội thảo cấp trường nâng cao chất lượng công tác chủ nhiệm lớp đầu mỗi năm học. Tiếp tục tổ chức Hội thi Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường hàng năm nhằm vinh danh các giáo viên chủ nhiệm giỏi và chuẩn bị đủ các điều kiện để dự thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh (nếu có).

- Việc đảm bảo sỹ số mỗi lớp không quá 45 học sinh là hoàn toàn khả thi khi mà chỉ tiêu tuyển sinh đầu cấp được phê duyệt là không quá 45 học sinh/lớp như năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường lưu trữ đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách về hoạt động giáo dục theo quy định tại điều 21 của Điều lệ trường trung học gồm: Sổ đăng bộ [H1-1.6-02]; sổ theo dõi HS chuyên đi, chuyên đến [H1-1.6-15]; sổ gọi tên và ghi điểm [H1-1.6-04]; sổ ghi đầu bài [H1-1.6-12]; học bạ HS [H1-1.6-13]; sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ [H1-1.6-14]; sổ nghị quyết của nhà trường và sổ nghị quyết của hội đồng trường [H1-1.6-05]; hồ sơ thi đua [H1-1.6-11]; hồ sơ đánh giá CB-GV-NV [H1-1.2-02]; hồ sơ kỷ luật; sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến; sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục; sổ quản lý tài chính; hồ sơ quản lý thư viện và hồ sơ theo dõi sức khỏe HS; sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn; giáo án; sổ dự giờ; sổ chủ nhiệm [H1-1.6-06], [H1-1.6-07], [H1-1.6-08], [H1-1.6-09], [H1-1.6-10]. Nhà trường thực hiện việc quản lý lưu trữ văn bản đi đến, hệ thống hồ sơ nhà trường được lưu trữ theo từng năm học, phân loại theo mục và được thực hiện lưu trữ với thời gian theo quy định của Thông tư 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Hàng năm, nhà trường lập dự toán ngân sách nhà nước và được cấp trên phê duyệt [H1-1.6-20]. Thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo đúng chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước, của phòng Kế hoạch- Tài chính và Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông. Công khai tài chính được thực hiện theo quy định của nhà nước [H1-1.6-10]. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng một cách dân chủ, công khai, được bổ sung và cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế các quy định ban hành.

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-09], [H1-1.6-10].

Mức 2:

Nhà trường sử dụng phần mềm Misa trong công tác kế toán giúp nâng cao hiệu quả việc cập nhật dữ liệu và lập các loại hồ sơ sổ sách kế toán theo quy định [H1-1.6-19].

Trong 05 năm liên kế (từ năm 2017 đến nay) nhà trường không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính; tài chính; tài sản [H1-1.8-03].

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

Nhà trường có các tờ trình, văn bản đề nghị với cấp có thẩm quyền nhằm tạo nguồn tài chính hỗ trợ, bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của đơn vị [H4-4.2-05], [H1-1.10-11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt việc lập dự toán, thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định.

Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ trong nhà trường đảm bảo tính dân chủ, sát thực với điều kiện thực tế, có tính khả thi. Thực hiện chặt chẽ, minh bạch việc quản lý và sử dụng tài chính, tài sản

3. Điểm yếu

Công tác tự kiểm tra tài chính còn mang tính hình thức chưa có chiều sâu. Nhà trường còn hạn chế trong việc quản lý, lưu trữ các loại hồ sơ theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường công tác tự kiểm tra tài chính theo quy định. Hệ thống hồ sơ nhà trường lưu trữ theo từng năm học, phân loại theo mục và thực hiện lưu trữ với thời gian theo quy định của luật lưu trữ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.7-01], sổ nghị quyết của nhà trường, nghị quyết của Hội đồng trường [H1-1.7-10] và các văn bản khác có liên quan [H1-1.7-02], [H1-1.7-11]. Việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên bám sát các hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên, tình hình thực tế của đơn vị và định hướng phát triển của nhà trường.

Đầu mỗi năm học, căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, trình độ đào tạo, năng lực và khả năng hoàn thành nhiệm vụ của mỗi cá nhân; sau khi tham khảo ý kiến đề xuất của các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể, hiệu trưởng ra quyết định phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường rõ ràng, hợp lý, đúng chuyên môn, định mức theo quy định, có tính ưu tiên (khối 12, tổ hợp tự chọn), tính kế thừa và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi cá nhân nhằm phát huy tối đa hiệu quả công tác [H1-1.7-04].

Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường đảm bảo hiệu quả các hoạt động, thể hiện qua kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.7-05]; kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.7-06]; kết quả đánh giá giáo viên theo chuẩn, kết quả thi đua hàng năm và những ghi nhận của các cơ quan cấp trên về việc nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.7-07].

Cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBGVNV) được tạo điều kiện tham gia các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ (trong 05 năm liền kể đã có 7 đồng chí tham gia và hoàn thành lớp trung cấp Lý luận chính trị; 01 đồng chí tham gia lớp cao cấp chính trị; giáo viên học và có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông hạng II...) [H1-1.7-08], được phân công tham gia giảng dạy hoặc giáo dục học sinh [H1-1.7-04], được hưởng đầy đủ tiền lương và phụ cấp theo quy định, được chăm sóc sức khỏe theo chế độ, chính sách và các quyền khác theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành khác.

Mức 2:

Nhà trường có biện pháp phát huy năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Các biện pháp được thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.7-01]; phân công nhiệm vụ cho CBGVNV [H1-1.7-03], [H1-1.5-01]; nghị quyết của nhà trường và của Hội đồng trường [H1-1.7-10]; kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học [H1-1.7-11]; quy chế thi đua nội bộ và quy tắc ứng xử trong nhà trường [H1-1.7-12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng và các giải pháp nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; việc phân công sử dụng đội ngũ hợp lý, hiệu quả; thực hiện đầy đủ các quyền, chế độ chính sách đối với CBGVNV theo quy định.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên còn hạn chế về việc sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học và công tác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tạo điều kiện để CBGVNV tham gia các lớp bồi dưỡng hoàn thiện các chứng chỉ và nâng cao kỹ năng sử dụng máy vi tính, ngoại ngữ phục vụ cho việc nâng cao hiệu quả công tác, đáp ứng yêu cầu đổi mới.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của BGD&ĐT, các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, thể hiện trong Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.7-01]. Năm học 2021-2022 nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục của tất cả các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường theo hướng sắp xếp lại các tiết học trong sách giáo khoa (SGK) thành một số bài học theo chủ đề, nhằm tiết kiệm thời gian và tạo thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống và giá trị sống, thực hành pháp luật. Kế hoạch giáo dục các môn học, hoạt động giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn đã được hiệu trưởng nhà trường phê duyệt [H1-1.8-01], [H1-1.8-02], [H1-1.8-07].

Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ. Quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn được thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), công văn số 121/SGD&ĐT-GDTrH ngày 04/10/2016 của Sở GD&ĐT Đắk Nông; thực hiện chương trình giáo dục địa phương các môn học theo phân phối chương trình của BGD&ĐT và tài liệu do Sở GD&ĐT Đắk Nông ban hành; thực hiện các tiết dạy tự chọn theo đúng hướng dẫn của BGD&ĐT và Sở GD&ĐT; có kế hoạch dạy học tự chọn được nhóm chuyên môn xây dựng và thống nhất thực hiện [H5-5.1-08], được thể hiện trên thời khóa biểu [H5-5.1-01], trong sổ ghi đầu bài của các lớp, các biên bản kiểm tra của cấp trên có liên quan [H1-1.8-03] và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H1-1.1-04].

Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời, thể hiện trong sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường [H1-1.6-05]; các báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.7-05].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.8-10].

Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc quản lý dạy thêm, học thêm theo Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về dạy thêm học thêm, quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Nông và các văn bản của Sở về dạy thêm học thêm. Việc tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường thực hiện đúng theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng dạy, học của đơn vị. Có đầy đủ hồ sơ, có giấy cấp phép trên cơ sở tự nguyện của học sinh, sự đồng thuận của cha mẹ học sinh (CMHS) và giáo viên, thể hiện trên hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm [H1-1.8-04]. Nhà trường thường xuyên quán triệt tới cán bộ, giáo viên các quy định của BGD&ĐT, của tỉnh, của ngành về việc dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng, lãnh đạo nhà trường, CBGVNV, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã tổ chức chỉ đạo thực hiện, có kiểm tra, rà soát thường xuyên với nỗ lực cố gắng cao để thực hiện đầy đủ, có chất lượng các kế hoạch đã đề ra.

Việc quản lý công tác dạy thêm học thêm được thực hiện một cách nghiêm túc theo quy định của cấp trên, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Chất lượng kế hoạch giáo dục của một số tổ, nhóm chuyên môn và một số giáo viên còn hạn chế; quá trình thực hiện ở một số bộ phận còn chậm so với kế hoạch đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chú trọng nâng cao chất lượng các kế hoạch giáo dục, bám sát các văn bản chỉ đạo của cấp trên và tình hình cụ thể của đơn vị, thống nhất cao trong các kế hoạch của nhà trường, các tổ chức đoàn thể, tổ nhóm chuyên môn và của mỗi cá nhân. Các kế hoạch phải rõ ràng về đặc điểm tình hình, nhiệm vụ cụ thể, phân công thực hiện, thời gian hoàn thành, chỉ tiêu, giải pháp và có kiểm tra, rà soát, điều chỉnh cũng như đánh giá kết quả đạt được, đề ra các bài học kinh nghiệm để không ngừng hoàn thiện. Nhà trường tổ chức duyệt kế hoạch, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện để có các quyết định chỉ đạo, điều chỉnh kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường (theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ trưởng BGD&ĐT).

Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức theo đúng hướng dẫn của cấp trên. Hội nghị cán bộ, viên chức được tổ chức lấy ý kiến đóng góp, thảo luận từ cấp tổ đến trực tiếp tại hội nghị về việc xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường được thể hiện trong các báo cáo của Ban thanh tra nhân dân, của công đoàn trường [H1-1.9-04]; các quy chế dân chủ, quy chế thi đua, quy tắc ứng xử trong đơn vị [H1-1.9-01], [H1-1.9-05], quy chế chi tiêu nội bộ được dân chủ bàn bạc, thảo luận và thông qua thể hiện trong biên bản và Nghị quyết hội nghị cán bộ, viên chức [H1-1.9-02], [H1-1.9-06], [H1-1.9-11].

Trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo nhà trường, các thành viên trong liên tịch trường, CBGVNV, học sinh và cha mẹ học sinh thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, được biết, được bàn, được tham gia thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định, thể hiện trong sổ nghị quyết nhà trường [H1-1.9-06].

Những năm học qua, nhà trường không có hiện tượng khiếu nại tố cáo vượt cấp. Các kiến nghị, phản ánh từ phía CBGVNV, học sinh và cha mẹ học sinh được nhà trường trực tiếp giải quyết, giải trình kịp thời, đầy đủ, đúng pháp luật trong các cuộc họp cơ quan, họp phụ huynh học sinh, trong Hội nghị cán bộ, viên chức [H1-1.9-03], [H1-1.9-04]. Nhà trường đã ban hành nội quy tiếp công dân, có phòng tiếp công dân và sổ tiếp công dân theo quy định [H1-1.9-10].

Nhà trường có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo yêu cầu của cấp trên [H1-1.9-11].

Mức 2:

Nhà trường có Ban thanh tra nhân dân, ban kiểm tra nội bộ. Ban thanh tra nhân dân thực hiện việc giám sát các hoạt động của nhà trường trong đó có việc thực hiện quy chế dân chủ. Ban kiểm tra nội bộ lên kế hoạch và tổ chức các cuộc kiểm tra thực hiện chức năng nhiệm vụ của lãnh đạo, các tổ chức, cá nhân trong nội bộ nhà trường. Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả được thể hiện qua việc có thành lập hộp thư góp ý, cung cấp số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ cổng thông tin điện tử của nhà trường, hệ thống các bảng thông báo công khai trong nhà trường, ban hành cơ chế giám sát tại quy chế dân chủ ở cơ sở; Nội quy tiếp công dân; có thể góp ý trực tiếp với lãnh đạo nhà trường hoặc gián tiếp qua Hộp thư, qua thư điện tử hoặc qua tổ chức Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân.[H1-1.9-03], [H1-1.9-07], [H1-1.9-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, các kế hoạch, chương trình công tác được đưa ra thảo luận trong tập thể cán bộ giáo viên nhân viên, thống nhất trước khi tổ chức thực hiện.

Những năm qua nhà trường không để xảy ra khiếu nại, tố cáo. Mọi phản ánh từ CBGVNV, học sinh và cha mẹ học sinh đều được lãnh đạo nhà trường xử lý triệt để, không để tình trạng khiếu kiện vượt cấp.

Dân chủ trong nhà trường đã góp phần tích cực vào việc xây dựng, giữ gìn sự đoàn kết và nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của nhà trường.

3. Điểm yếu

Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì tốt việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường. Làm tốt chức năng của Hội nghị cán bộ, viên chức hằng năm, lấy ý kiến của các cá nhân tổ chức trong việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, nội quy, quy tắc để phù hợp với tình hình mới. Huy động trí tuệ tập thể trong xây dựng các chương trình, các kế hoạch, các mục tiêu phát triển nhà trường, tạo sự đồng thuận cao trước khi tổ chức thực hiện.

Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo yêu cầu của cấp trên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực [H1-1.10-01], [H1-1.10-02], [H1-1.10-04].

Với việc đảm bảo an ninh, trật tự, nhà trường có các tường bao quanh toàn bộ khuôn viên trường, sân tập; bố trí các bóng điện thấp sáng tại những vị trí trọng yếu. Có 02 nhân viên bảo vệ đảm bảo trực 24/24. Nhà trường đã xây dựng, ban hành nội quy bảo vệ cơ quan; có các cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong nhà trường, giữa nhà trường với công an xã, công an huyện trong việc đảm bảo, giữ gìn, xử lý các vụ việc về an ninh, trật tự đặc biệt khi nhà trường tổ chức các sự kiện lớn. Tổ chức cho học sinh và nhà trường ký cam kết với công an huyện về việc thực hiện tốt các quy định về an toàn giao thông; về pháo nổ [H1-1.10-06].

Với việc đảm bảo an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích: Nhà trường, Đoàn thanh niên phối hợp với công an huyện đã có những bài nói chuyện, buổi ngoại khóa về an toàn giao thông. Nhà trường cũng thường xuyên quan tâm rà soát, sửa chữa, bổ sung các trang thiết bị, cơ sở vật chất dạy học môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng-An ninh như sân chơi, bãi tập, dụng cụ dạy, học...đảm bảo an toàn cao khi sử dụng. Nhà trường có nhân viên làm công tác y tế, với tủ thuốc y tế thường xuyên cập nhật, trang bị các cơ sở thuốc, dụng cụ y tế dùng cho chăm sóc sức khỏe ban đầu của CBGVNV và học sinh. Đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho học sinh đầu cấp, có hệ thống sổ sách theo dõi sức khỏe học sinh trong cả khóa học [H1-1.10-07], [H3-3.1-05], [H3-3.2-04].

- Kiện toàn và duy trì hoạt động của Ban chỉ đạo và tổ công tác phòng chống dịch trong nhà trường; Triển khai các biện pháp vệ sinh trường, lớp: tổng vệ sinh môi trường, khử khuẩn lớp học, hành lang, khuôn viên toàn trường; Định kỳ phun thuốc khử khuẩn toàn trường; Bố trí dung dịch sát khuẩn tay khu vực cổng trường, trên lớp học, đeo khẩu trang; Truyền thông: Sử dụng pano, áp phích truyền tải các thông điệp phòng chống dịch trong tình hình mới. Sử dụng hệ thống loa phát thanh nhà trường phát các thông điệp hướng dẫn phòng ngừa dịch COVID-19. Trang bị mỗi lớp học tối thiểu 05 tài liệu “Sổ tay phòng chống dịch COVID-19”; Phối hợp: Triển khai trong cán bộ, giáo viên, nhân viên và CMHS về việc cài đặt ứng dụng Bluezone, An toàn Covid trên điện thoại thông minh

Với nội dung an toàn phòng, chống cháy nổ: Nhà trường ban hành nội quy, phương án phòng cháy, chữa cháy; có quy chế sử dụng điện trong nhà trường [H1-1.10-03]; trang bị đầy đủ các bình chữa cháy, đã có buổi ngoại khóa với nội dung tuyên truyền kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra cháy, tổ chức tập huấn trong CBGVNV và học sinh kỹ năng sử dụng bình cứu hỏa mini.

Ngoài ra, nhà trường thường xuyên quan tâm và có các giải pháp đối với công tác phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn bạo lực học đường nên trong các năm qua an ninh, trật tự, an toàn, môi trường cảnh quan nhà trường được đảm bảo; góp phần nâng cao hình ảnh, cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao [H1-1.10-08].

Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác như thông qua sổ liên lạc điện tử, qua đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ đoàn trường, qua đại diện cha mẹ học sinh nhà trường, đại diện cha mẹ học sinh các lớp để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, góp phần đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-10].

Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.10-11].

Mức 2:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-04].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và khi phát hiện có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.10-13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm và có các biện pháp, phương án phối hợp đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các tệ nạn xã hội cho học sinh và CBGVNV của nhà trường.

An ninh, trật tự, an toàn, vệ sinh, cảnh quan nhà trường được đảm bảo và không ngừng nâng lên, tạo được môi trường học tập an toàn, thân thiện làm cho cha mẹ học sinh yên tâm và tin tưởng.

3. Điểm yếu

Do đặc điểm, tình hình địa phương và nhà trường nên việc đảm bảo an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng chống tai nạn nước còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trường học đã đạt được.

Tìm giải pháp kiểm soát tốt nhất việc sử dụng, đưa thông tin, hình ảnh lên mạng xã hội của học sinh để có các biện pháp ngăn ngừa xảy ra các vụ việc.

Sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp để lắp đặt một số camera an ninh tại những vị trí trọng yếu trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu, tổ chức bộ máy và thực hiện các hoạt động giáo dục theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (*Ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3 /2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

Những điểm mạnh nổi bật như tổ chức Đảng Cộng sản, Công đoàn, đoàn Thanh niên, Hội Chữ Thập đỏ; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn thực hiện tốt nhiệm vụ, chức năng của mình; quy chế dân chủ cơ sở; an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo tốt góp phần cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Những điểm còn hạn chế cơ bản của tiêu chuẩn là phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường dài hạn; công tác văn thư lưu trữ; hồ sơ hoạt động của tổ Văn phòng.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 10/10 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ CBGVNV và HS là nguồn lực chủ yếu quyết định chất lượng các HDGD. Do vậy, nhà trường luôn xác định công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD là giải pháp đột phá tạo tiền đề cho sự phát triển và nâng cao CLGD. Vì thế, việc xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD luôn được quan tâm theo hướng chuẩn hóa, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp nhằm góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục.

Đội ngũ CBGVNV nhà trường tương đối đảm bảo, hợp lý về số lượng, cơ cấu; chất lượng không ngừng được nâng cao; có phẩm chất đạo đức, tâm huyết với nghề, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn đào tạo; được bố trí công việc phù hợp giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân. Học sinh của nhà trường đảm bảo về độ tuổi theo quy định; thực hiện nghiêm túc quy định về nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục, cơ bản chăm ngoan, có động cơ, thái độ học tập tốt, có sự vươn lên trong học tập, rèn luyện.

Tuy nhiên đội ngũ CBQL của nhà trường còn trẻ, kinh nghiệm quản lý chưa nhiều, vì vậy cũng gặp không ít khó khăn trong công tác quản lý. Số lượng giáo viên đạt trên chuẩn chưa đảm bảo theo quy định.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường đạt trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục đối với cấp học, đạt trình độ chuẩn được đào tạo ở cấp học cao nhất đối với trường phổ thông có nhiều cấp học [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường hàng năm đều được đánh giá xếp loại từ loại khá trở lên theo chuẩn hiệu trưởng và chuẩn phó hiệu trưởng [H2-2.1-02]. Mỗi nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng không quá 05 năm [H2-2.1-03].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường tham gia đầy đủ các đợt bồi dưỡng về chính trị do Ban tuyên giáo huyện tổ chức và bồi dưỡng thường xuyên theo quy định của Bộ GD&ĐT [H2-2.1-05], [H2-2.1-04]. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường đã tham gia học lớp QLGD theo quy định [H2-2.1-05]. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ [H2-2.1-06].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, HT và PHT nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định [H2-2.1-07], hàng năm HT & PHT nhà trường đều được giáo viên, nhân viên trong trường đánh giá, tín nhiệm [H2-2.1-08].

Mức 3:

Từ năm học 2016-2017 đến nay Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, năm học 2021 – 2022 hiệu trưởng được đánh giá chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt [H2-2.1-09].

2. Điểm mạnh

CBQL của nhà trường được đào tạo chính qui, năng động, sáng tạo, làm việc có khoa học. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị, tập huấn bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ. Đây là điều kiện cần thiết để cán bộ quản lý triển khai tốt các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

CBQL nhà trường chỉ được đánh giá ở mức khá về chuẩn hiệu trưởng và phó hiệu trưởng, do còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 – 2023 nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch có biện pháp cụ thể để nâng cao trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ CBQL nhà trường, tăng cường bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thực hiện quy định tại Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Bộ GD-ĐT và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư liên tịch số: 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013, theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác, trường THPT Phan Đình Phùng có 29 giáo viên, cơ cấu đủ cho tất cả các môn học [H2-2.2-01]; 100% giáo viên được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo [H2-2.2-02].

Đội ngũ giáo viên của nhà trường hiện tại có 29 giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định tại điều 30 của thông tư 32/2020 TT-BGDĐT (có 01 giáo viên đạt trên chuẩn) [H2-2.2-01].

Đến thời điểm hiện tại, nhà trường có trên 95% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ loại khá trở lên [H2-2.2-04].

Mức 2:

Từ năm 2017 đến nay, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định nhưng không tăng dần theo lộ trình [H2-2.2-01].

Từ năm học 2016 – 2017 đến nay, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có 96,96% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên đảm bảo đúng theo quy định (trên ít nhất 60% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức khá) [H2-2.2-04].

Giáo viên nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học [H2-

2.2-06]; tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

Từ năm học 2016 -2017 đến nay, đơn vị có 96,96% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên và 90,6% giáo viên đạt mức tốt (theo quy định có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt) [H2-2.2-04], [H2-2.2-05].

Trong năm học 2021-2022 có 11 sáng kiến đạt cấp cơ sở và 01 sáng kiến đạt cấp tỉnh [H2-2.2-07].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên được đào tạo chính quy, đạt chuẩn về trình độ (100% đạt chuẩn); được phân công công tác phù hợp với chuyên môn đào tạo nên chất lượng giáo dục của nhà trường được nâng lên đáng kể đặc biệt là chất lượng mũi nhọn.

3. Điểm yếu

Số lượng giáo viên của nhà trường đạt trên chuẩn còn ít, do còn khó khăn về tài chính khi tham gia học các lớp cao học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch cử giáo viên tham gia học cao học. Đồng thời nghiên cứu các giải pháp để hỗ trợ, động viên, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các giáo viên muốn tham gia học cao học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và

định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Cụ thể, nhà trường có 05 nhân viên thực hiện đảm bảo các nhiệm vụ phục vụ cho hoạt động giảng dạy giáo dục, trong đó 01 nhân viên làm công tác kế toán; 01 nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ; 01 nhân viên thiết bị; 01 nhân viên y tế và 01 nhân viên thư viện. Ngoài ra, nhà trường còn hợp đồng với 02 nhân viên bảo vệ và 01 nhân viên tạp vụ, có sự đồng ý của Sở GD&ĐT Đắk Nông [H2-2.3-01]. Số lượng nhân viên của nhà trường đáp ứng các nhiệm vụ được giao [H2-2.3-04].

Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người [H2-2.3-02].

Nhân viên nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao, góp phần cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ thể hiện ở kết quả đánh giá, xếp loại nhân viên hằng năm [H2-2.3-04]; hồ sơ thi đua khen thưởng [H1-1.2-02].

Mức 2:

Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2017) [H2-2.3-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-03].

Mức 3:

Nhân viên của nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Cụ thể: Nhân viên kế toán có bằng Thạc sĩ Kế toán; nhân viên văn thư có bằng trung cấp văn thư; nhân viên thiết bị có bằng đại học chuyên ngành Ngữ văn và chứng chỉ thiết bị, thí nghiệm; nhân viên y tế có bằng Trung cấp Dược; nhân viên thư viện có bằng trung cấp thư viện [H2-2.3-05], [H2-2.3-06]. Nhân viên bảo vệ được phổ biến nội quy, quy định bảo vệ trường, được trang bị các dụng cụ hỗ trợ làm việc và được tham gia tập huấn phòng cháy, chữa cháy [H2-2.3-07].

Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí [H2-2.3-06], [H2-2.3-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định, được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người, hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Một số nhân viên làm việc chưa thật khoa học nên hiệu quả công việc chưa cao. Nhân viên thiết bị không phù hợp với chuyên môn được đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các nhân viên không ngừng học tập, chăm chỉ làm việc, tìm các giải pháp để nâng cao hiệu quả công việc, đáp ứng yêu cầu của đổi mới.

Trên cơ sở đội ngũ nhân viên sẵn có, phân công hợp lý hơn nữa việc thực thi nhiệm vụ để nâng cao hiệu quả công tác và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm nhà trường tuyển sinh số lượng học sinh đầu cấp theo chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục của Bộ và Sở giao và tất cả học sinh của trường đều đảm bảo quy định về độ tuổi học sinh tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 33 của Điều lệ trường trung học [H2-2.4-01], [H2-2.4-02].

Học sinh nhà trường thực hiện các nhiệm vụ theo quy định Điều lệ trường trung học. Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường; kính trọng cha mẹ, thầy giáo, cô giáo, cán bộ, nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước; thực hiện trật tự an toàn giao thông; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân; tích cực tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; giúp đỡ gia đình và tham gia các công tác xã hội như hoạt động bảo vệ môi trường, chăm sóc cây hoa, tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện chia sẻ với cộng đồng; giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, được thể hiện qua các hình ảnh về hoạt động của học sinh nhà trường [H2-2.4-03], [H2-2.4-07]; sở chủ nhiệm [H1-1.5-02], và các báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.1-04].

Học sinh được nhà trường đảm bảo các quyền theo quy định của Điều 35 Điều lệ trường trung học; được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện; được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp, tự học ở nhà; được cung cấp thông tin về việc học tập của mình; được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể thao của nhà trường theo quy định; được tôn trọng và bảo vệ; được đối xử bình đẳng, dân chủ; được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình; được quyền học chuyển trường khi có lý do chính đáng theo quy định hiện hành; được học trước tuổi, học vượt lớp, học ở tuổi cao hơn tuổi quy định theo Điều 33 của Điều lệ trường trung học; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức nếu có đủ điều kiện; được giáo dục kỹ năng sống; được nhận trợ cấp khác theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn về đời sống và những học sinh có năng lực đặc biệt [H2-2.4-08], [H2-2.4-12].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp tuyên truyền, phổ biến tới toàn thể học sinh ngay từ đầu khóa học, đầu mỗi năm học các nội quy, quy định của nhà trường về nề nếp, kỷ cương, trật tự trường học thể hiện qua bảng nội quy các lớp học, phòng học bộ môn, các pa nô khẩu hiệu tuyên truyền ở cổng trường, sân trường; nói chuyện, tư vấn quy tắc ứng xử của học sinh; định hướng về trang phục, đầu tóc, hình ảnh và nêu các quy định học sinh phải thực hiện tốt, những việc không được làm. Nhà trường chỉ đạo làm tốt công tác chủ nhiệm, công tác phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm với giáo viên bộ môn, với Đoàn Thanh niên, với các đoàn thể trong nhà trường, với cha mẹ học sinh; hoạt động tự quản của học sinh các lớp nên nhà trường nắm bắt được tâm lý lứa tuổi và các sự vụ ngay từ ban đầu để có các biện pháp ngăn ngừa phát hiện và xử lý kịp thời các tình huống có nguy cơ bạo lực hoặc vi phạm pháp luật của học sinh [H2-2.4-05]; [H5-5.1-13], [H5-5.5-06].

Mức 3:

Học sinh nhà trường có thành tích trong học tập, rèn luyện luôn có ảnh hưởng tích cực trong các hoạt động của lớp và nhà trường giúp các bạn cùng tiến bộ, đóng góp vào thành tích chung của nhà trường. Những học sinh có năng khiếu các môn văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động Đoàn được tạo cơ hội khẳng định và tạo nên các hoạt động sân chơi bổ ích, lành mạnh cuốn hút nhiều học sinh tham gia. Nhà trường có nhiều hình thức để ghi nhận, khen thưởng, động viên các học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện [H2-2.4-12]; [H5-5.1-13], [H5-5.1-11].

2. Điểm mạnh

HS nhà trường bảo đảm đúng độ tuổi quy định tại các khoản 1,2 và 3 Điều 33 của Điều lệ trường trung học. Đa số HS thực hiện tốt nhiệm vụ; hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục theo đúng quy định.

3. Điểm yếu

Vẫn còn hiện tượng HS vi phạm nề nếp học tập như: quy định đồng phục, tác phong, giờ giấc...do đặc điểm dân cư phân bố rộng HS ở xa trường nên không chủ động được về mặt thời gian, một bộ phận HS ở trọ thiếu sự quan tâm của gia đình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức trong nhà trường, giữa nhà trường với CMHS để làm tốt công tác giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng ứng xử cho HS và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, tái phạm.

Tăng cường hoạt động của chủ nhiệm lớp; kiểm tra việc thực hiện nề nếp của HS theo kế hoạch hoặc đột xuất; theo dõi và uốn nắn kịp thời những thiếu sót của HS về đạo đức, chuyên cần, chấp hành nội quy kỷ luật và các quy định khác của trường; kiểm tra việc tổ chức sinh hoạt lớp vào 15 phút đầu giờ và sinh hoạt chủ nhiệm vào ngày thứ bảy hằng tuần; quản lý HS trong những tiết vắng giáo viên và trong tất cả các HĐGD của nhà trường; xây dựng những loại sổ sách phục vụ cho công tác quản lý HS.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường có tuổi đời còn trẻ, được đào tạo chính qui về nghiệp vụ quản lý trường học, năng động, sáng tạo, làm việc có khoa học.

Đội ngũ CBGVNV nhà trường đảm bảo về số lượng, cơ cấu khá hợp lý và chất lượng không ngừng được nâng cao: Có phẩm chất đạo đức, tâm huyết với nghề, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn đào tạo theo qui định. Đội ngũ được bố trí công việc phù hợp nên mỗi cá nhân phát huy tốt khả năng, năng lực phục vụ cho sự nghiệp dục của nhà trường.

HS của nhà trường đảm bảo về độ tuổi, thực hiện nghiêm túc quy định về nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục... đã tạo được nét văn hóa đặc trưng riêng của nhà trường.

Tuy nhiên tuổi nghề của đội ngũ cán bộ quản lý còn ít, chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà trường nên đôi khi cũng gặp một số khó khăn.

Vẫn còn hiện tượng HS vi phạm nề nếp học tập như: quy định đồng phục, tác phong, giờ giấc...do đặc điểm dân cư phân bố rộng HS ở xa trường nên không chủ động được về mặt thời gian, một bộ phận HS ở trọ thiếu sự quan tâm của gia đình.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường THPT Phan Đình Phùng được thành lập từ năm 2010, trường đứng chân tại địa bàn thôn Đăk Kual, xã Đăk N’drung, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông, là xã thuộc diện xã đặc biệt khó khăn nên phần nào nhà trường cũng được sự quan tâm của các cấp ngành về đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học phục vụ tương đối tốt cho HĐGD, nhưng điều kiện đường sá đi lại, thông thương còn gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng đến việc đi học của học sinh trên địa bàn. Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, cơ sở vật chất được xây dựng và cải tạo nâng cấp khang trang: có đủ khối phòng học, khối phòng bộ môn (gồm có phòng thực hành lý, hóa, sinh, phòng học tiếng anh, phòng tin học), khối phòng hành chính. Điều kiện cơ sở vật chất – kỹ thuật của nhà trường về tối thiểu đảm bảo phục vụ tương đối qui mô HĐGD. Hiện tại, nhà trường có các khối phòng phục vụ học tập (gồm nhà tập đa năng, thư viện, phòng hoạt động Đoàn,...), khối phòng hành chính - quản trị (gồm phòng làm việc của Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường, phòng đợi của giáo viên, phòng y tế trường học, phòng của tổ chức Công đoàn). Nhà trường có khu để xe dành riêng cho cán bộ giáo viên và HS, khu nhà vệ sinh cho giáo viên và HS được bố trí khá hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc sử dụng và được giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, có sân chơi bãi tập và cây xanh bóng mát, tạo được môi trường xanh - sạch - đẹp, là điều kiện thuận lợi phục vụ dạy – học, đảm bảo cho mục tiêu phát triển CLGD.

Nhà trường luôn có kế hoạch sử dụng, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ tối đa cho hoạt động dạy học cũng như hoạt động thí nghiệm thực hành của nhà trường.

Nhà trường đã nhận bàn giao thiết bị dạy học của ba khối lớp (10, 11, 12) từ năm 2010 đến 2019 và đưa vào sử dụng trong hoạt động thực hành thí nghiệm của nhà

trường. Trong những năm qua, nhà trường đã triển khai hoạt động thực hành thí nghiệm theo nội dung chương trình do Bộ GD & ĐT quy định (Theo Phân phối chương trình chi tiết bậc THPT).

Nhà trường hiện chưa có đủ trang thiết bị giáo dục và đồ dùng dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD&ĐT; đồng thời chưa được trang bị thêm hàng năm và bảo quản chưa tốt.

Các thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học được sử dụng hiệu quả đã phát huy tác dụng góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

Nhà trường luôn có kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học của nhà trường nhằm có sự phân công quản lý, phụ trách, tu sửa, bảo trì kịp thời, sử dụng đúng, có hiệu quả, không lãng phí, làm cho những cơ sở vật chất hiện có của nhà trường phục vụ tốt, tối đa cho công tác dạy học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THPT Phan Đình Phùng có một khu riêng được đặt trong môi trường thuận lợi cho giáo dục tổng diện tích sử dụng của trường là 22.505 m² đủ theo tiêu chuẩn quy định, đáp ứng được yêu cầu tổ chức các HĐGD [H3-3.1-01]. Nhà trường đã xây dựng được môi trường cảnh quan trường lớp xanh - sạch - đẹp, thoáng mát theo qui định. Đặc biệt từ năm học 2012– 2013 và 2019-2020 hưởng ứng phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực”, việc tôn tạo cảnh quan sư phạm càng được chú trọng nhằm xây dựng môi trường học tập thân thiện, lành mạnh có cây xanh bóng mát, sạch, đẹp [H5-5.5-10].

Trường có cổng trường đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ; Biển tên trường [H3-3.1-03] đúng theo điều 5 Điều lệ trường trung học. Trường có tường và hàng rào bao quanh hàng rào cao tối thiểu 1,8m.

Nhà trường có sân chơi, bãi tập theo quy định: Khu sân chơi có hoa, có cây xanh bóng mát, chạu cảnh, ghế đá luôn đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, làm tăng thêm nét mỹ quan trường học và phục vụ tốt các hoạt động vui chơi. Trường có khu bãi tập đảm bảo an toàn,

có đủ các thiết bị luyện tập thể dục thể thao, học tập bộ môn GDQP – AN và đảm bảo an toàn cho HS[H3-3.1-05], [H3-3.2-04].

Mức 2:

Nhà trường có sân chơi rộng rãi, thoáng đẹp với bồn cây, lối đi được bố trí hợp lý, phù hợp để tổ chức các lễ hội, chào cờ đầu tuần, hoạt động ngoài giờ lên lớp (NGLL)[H3-3.1-05], [H3-3.2-02].

Mức 3:

Nhà trường có diện tích hơn 40 m²/học sinh; có sân chơi bãi tập đạt trên 25% tổng diện tích sử dụng, có trang thiết bị tối thiểu để phục vụ việc luyện tập của học sinh theo quy định [H3-3.5-01], [H3-3.1-05].

2. Điểm mạnh

Hồ sơ thành lập trường, quyết định giao đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được lưu giữ đầy đủ. Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, biển trường và tường rào bao quanh theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Diện tích mặt bằng của nhà trường tính theo đầu HS đạt quy định của Bộ GD&ĐT. Khuôn viên nhà trường luôn được giữ gìn vệ sinh đảm bảo môi trường “xanh – sạch – đẹp”.

Nhà trường có khu sân chơi có cây xanh bóng mát, vệ sinh sạch sẽ phục vụ tốt các hoạt động vui chơi, luyện tập thể chất.

3. Điểm yếu

Do khu bãi tập cây xanh bóng mát chưa phát triển về quy mô, cây còn nhỏ nên chưa đủ bóng mát, các tiết học thể dục và GDQP-AN của HS được bố trí ở sát sau dãy phòng học 3 tầng nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có kế hoạch tiếp tục cải tạo sân trường, trồng thêm cây xanh.

Năm học đến, cải tạo san bằng mặt bằng vườn cây bóng mát phía trước khu tập thể giáo viên, bên cạnh hông nhà hiệu bộ làm khu bãi tập riêng phục vụ học tập bộ môn thể dục thể thao và học tập bộ môn GDQP-AN.

Tích cực hoàn chỉnh thủ tục để sớm triển khai dự án xây dựng nâng cấp CSVN, tạo dựng môi trường “xanh – sạch – đẹp” phục vụ tốt hơn các HĐGD nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 16 phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết (bảng từ), đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày [H3-3.2-02], [H3-3.2-01].

Khối phòng học bộ môn: Có 08 phòng học bộ môn đang và sắp đưa vào sử dụng gồm 01 phòng thực hành Lý, 01 phòng thực hành Hóa, 01 phòng thực hành Sinh, 02 phòng thực hành Tin học và 01 phòng học tiếng Anh, 01 phòng học công nghệ, trong đó 01 phòng thực hành tin và phòng học Tiếng Anh chưa được trang bị đầy đủ về máy tính của giáo viên và học sinh, máy chiếu; các phòng bộ môn còn lại thiết bị còn hạn chế [H3-3.2-02], [H3-3.2-03], [H3-3.5-06].

Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn vị trí thuận lợi, đầy đủ trang thiết bị; thư viện đầy đủ các đầu sách giáo khoa và sách tham khảo, phòng truyền thống có không gian sạch, đẹp được trang trí hài hòa, ý nghĩa [H3-3.6-05].

Mức 2:

Phòng học được kiên cố hóa từ 2010, đạt chuẩn 18 phòng thuộc dãy nhà ba tầng; phòng học bộ môn mới được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định thiết kế, nhà trường đưa vào sử dụng từ năm học 2018-2019, các phòng đều đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật hòa nhập [H3-3.2-02] [H3-3.2-03] [H3-3.2-04].

Khối phục vụ học tập gồm 01 nhà tập đa năng, 01 thư viện, 01 phòng truyền thống, 01 phòng đồ dùng thiết bị giảng dạy (các phòng học bộ môn thuộc dãy nhà mới xây dựng đều có ngăn chứa đồ dùng, thiết bị và là nơi chuẩn bị dụng cụ, thiết bị thí nghiệm của tiết học) đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.2-02], [H3-3.2-03], [H3-3.2-04].

Mức 3:

Nhà trường có 08 phòng học phòng bộ môn nhưng chưa có đủ các thiết bị dạy học theo quy định [H3-3.5-02] [H3-3.5-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng đủ số lượng phòng học và trang bị đầy đủ thiết bị tối thiểu phục vụ yêu cầu dạy và học theo qui định.

Nhà trường luôn có kế hoạch kiểm tra, đánh giá của các bộ phận chuyên trách về cơ sở vật chất của nhà trường nhằm có sự phân công quản lý, phụ trách, tu sửa, bảo trì kịp thời, sử dụng đúng, có hiệu quả, không lãng phí, làm cho những cơ sở vật chất hiện có của nhà trường phục vụ tốt, tối đa cho công tác dạy học.

Các khối phòng phục vụ học tập, phòng làm việc đáp ứng yêu cầu phục vụ dạy học và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường.

Việc quản lý, sử dụng các khối phòng, các loại thiết bị văn phòng thực sự có hiệu quả và đúng theo các quy định hiện hành.

3. Điểm yếu

- Một số chuyên mục cơ sở vật chất hạ tầng phục vụ cho công tác dạy và học của nhà trường đã và đang bị xuống cấp như bàn ghế, quạt, bóng điện... việc tu bổ, mua bổ sung chưa thực hiện kịp thời.

Phòng truyền thống chưa được trang bị đạt yêu cầu, sách tại thư viện còn hạn chế.

Nhà trường hiện có phòng học bộ môn đạt chuẩn nhưng bàn ghế, thiết bị hiện chưa có để sử dụng đạt hiệu quả tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 -2023 nhà trường xây dựng kế hoạch tu bổ và sửa chữa các chuyên mục cơ sở vật chất phục vụ cho công tác dạy và học đang bị xuống cấp.

Đề xuất với cấp có thẩm quyền để tăng cường cơ sở vật chất (CSVC) cho phòng học bộ môn.

Trang bị thêm các đầu sách, máy tính để thư viện đáp ứng được nhu cầu mượn, đọc của giáo viên và học sinh

Nâng cấp phòng truyền thống, phòng họp Liên tịch nhằm phát huy hiệu quả phục vụ các hoạt động giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*
- b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*
- c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các phòng đáp ứng yêu cầu tối thiểu của hoạt động hành chính, quản trị của nhà trường: có 02 phòng học tin, 01 phòng thiết bị giáo dục, có phòng truyền thống và phòng Đoàn [H3-3.3-01], [H3-3.2-01], [H3-3.2-02], [H3-3.2-03].

Nhà trường có khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên; có đủ lán xe cho học sinh, được phân riêng từng khối, từng lớp được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự[H3-3.3-02].

Nhà trường bổ sung, sửa chữa các thiết bị khối hành chính – quản trị theo định kỳ [H3-3.3-03].

Mức 2:

Trường THPT Phan Đình Phùng có các khối phòng phục vụ học tập đảm bảo cho việc học của HS: Có 18 phòng học, 08 phòng học bộ môn, 02 phòng thực hành, 02 phòng chuyên dùng, 02 phòng tin học, 01 phòng thư viện, 01 phòng học tiếng anh phục vụ học tập; khối phòng hành chính - quản trị có một khu riêng gồm: 1 phòng hiệu trưởng, 2 phòng phó hiệu trưởng, 1 phòng kế toán – thu quỹ, 1 phòng văn thư - lưu trữ, bảo quản hồ sơ HS, 1 phòng họp giao ban mở rộng, 1 phòng đợi của giáo viên, 1 phòng công đoàn, 1 phòng y tế, 1 nhà đa năng [H3-3.2-02], [H3-3.2-03], [H3-3.2-04], [H3-3.3-01]. Các khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính – quản trị có đủ phòng làm việc; có đầy đủ bàn ghế, kệ tủ và các trang thiết bị làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; có phòng giáo viên, phòng y tế học đường, phòng thường trực, nhà kho và các phòng khác đảm bảo quy cách theo quy định.

Trường THPT Phan Đình Phùng có trang thiết bị y tế tối thiểu đáp ứng đủ điều kiện phục vụ cho công tác y tế trường học theo quy định: có phòng y tế riêng diện tích 34m² đáp ứng đủ yêu cầu nghỉ ngơi của HS, có trang thiết bị y tế tối thiểu và tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu theo quy định đảm bảo đủ yêu cầu sơ cứu ban đầu [H1-1.6-08].

Có khu nội trú dành cho giáo viên với 8 phòng, nhà trường không có khu bếp, nhà ăn.

Mức 3:

Nhà trường có các loại máy văn phòng phục vụ công tác quản lý và giảng dạy; 2 máy tính Aser, 4 máy chiếu, 4 máy in canon 2900, 1 máy Photo copy TOSHIBA, 1 máy phô tô Richcol 4055; 1 máy phát điện Honda, 3 ổ áp Lioa, 2 ampli, 4 loa, 2 micro, 3 tủ đựng hồ sơ; Máy tính có nối mạng internet phục vụ các HĐGD đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập. Nhà trường có sự phân công giáo viên phụ trách, quản lý các trang thiết bị (các loại máy văn phòng), đưa vào sử dụng và khai thác có hiệu quả và thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng các khối phòng và trang thiết bị kèm theo. [H1-1.6-09].

2. Điểm mạnh

Có các khối phòng, cơ sở vật chất thiết yếu đảm bảo cho mục tiêu phát triển CLGD. Có khối phòng học đủ đảm bảo cho việc học 2 buổi/ ngày. Khối phòng hành chính đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên nhà trường.

Trường có phòng y tế, nhân viên y tế có trình độ trung cấp thường trực phục vụ nhu cầu sơ cứu ban đầu cho cán bộ giáo viên, HS.

Nhà trường trang bị các loại máy văn phòng và máy tính có kết nối mạng internet nội bộ nhằm phục vụ cho các HĐGD cũng như nhu cầu khai thác thông tin của CBGVNV của nhà trường.

3. Điểm yếu

Thiết bị của phòng khối hành chính – quản trị đã cũ, hoạt động kém hiệu quả (máy tính, máy foto thường xuyên bị lỗi...).

Công tác y tế trường học còn hạn chế do số lượng thuốc chưa phong phú; thiếu một số thiết bị và dụng cụ y tế để đảm bảo tốt công tác sơ cấp cứu. Do thiếu các loại tủ để bảo quản thuốc nên thuốc dễ bị ẩm mốc, hư hỏng do phòng ẩm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 –2023 nhà trường xây dựng kế hoạch mua bổ sung một số thiết bị và dụng cụ y tế để đảm bảo tốt công tác sơ cấp cứu, mua thêm 1 tủ đựng thuốc để bảo quản thuốc tránh tình trạng ẩm mốc, hư hỏng. Năm học 2014 – 2015 nhà trường cử cán bộ y tế tham gia lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn 2 ngày tại Sở GD & ĐT Đắk Nông.

Có kế hoạch bổ sung thêm trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có một khu vệ sinh của giáo viên (02 phòng) trong khu nhà Hiệu bộ; 01 khu vệ sinh của học sinh, mỗi khu có 5 phòng nam và 5 phòng nữ được bố trí thuận tiện, đảm bảo điều kiện làm việc học tập cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Khu vệ sinh học sinh gồm nhà vệ sinh mái tôn kiên cố; đạt tiêu chuẩn xây dựng. Các khu vệ sinh luôn được cung cấp đầy đủ nước sạch, đủ ánh sáng, được vệ sinh thường xuyên và không ô nhiễm môi trường [H3-3.4-01].

Hệ thống thoát nước của nhà trường do sử dụng nhiều năm các nắp cống đã hỏng nên còn hạn chế trong việc thoát nước khi trời mưa to. Mặt khác, do hệ thống mương xung quanh trường đã không còn thông thoáng. Nhà trường có nước máy, có hệ thống máy lọc nước đã xét nghiệm đạt chuẩn để cho học sinh và cán bộ giáo viên dùng [H3-3.4-02].

Nhà trường có thuê nhân viên vệ sinh trường lớp hàng ngày, thu gom rác. Có các thùng đựng rác để ở các vị trí hợp lý [H3-3.4-02], [H3-3.4-03].

Mức 2:

Các khu vệ sinh luôn được cung cấp đầy đủ nước sạch, đủ ánh sáng và không ô nhiễm môi trường, đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định .

Nhà trường có hệ thống nước giếng khoan, lắp đặt máy lọc cung cấp nước uống đảm bảo quy định của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục [H3-3.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khu vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo điều kiện làm việc học tập cho giáo viên và nhân viên; hợp đồng thuê lao công quét dọn sân trường sạch sẽ hàng ngày.

Nhà trường có hệ thống nước máy, nước lọc được kiểm nghiệm đạt chuẩn.

3. Điểm yếu

Hệ thống thu gom và xử lý chất thải chưa đáp ứng quy định của Bộ GDĐT và Bộ Y tế. Chưa có cơ sở đủ điều kiện để hợp đồng thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt.

Chưa có hệ thống thoát nước đạt chuẩn, cần sửa chữa khắc phục để thoát nước nhanh hơn khi mưa to.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có kế hoạch sửa chữa hệ thống thoát nước đáp ứng yêu cầu của Bộ GDĐT và Bộ Y tế.

Tìm cơ sở đủ điều kiện để hợp đồng thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ cho hoạt động của nhà trường [H3-3.5-01], [H3-3.5-04].

Nhà trường chưa được trang bị đủ thiết bị dạy học tối thiểu; cùng với các thiết bị hiện có của nhà trường, thiết bị dạy học được sắp xếp khoa học tại các phòng học bộ môn và 01 phòng chứa thiết bị của nhà trường [H3-3.5-02].

Hàng năm các thiết bị được kiểm kê và có kế hoạch sửa chữa thiết bị hư hỏng [H3-3.3-03].

Mức 2:

Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối Internet; wifi được phủ sóng miễn phí toàn trường phục vụ tốt công tác quản lý, hoạt động dạy, học của giáo viên và học sinh [H3-3.5-04].

Nhà trường chưa có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học tối thiểu; có các biện pháp bảo quản thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học để phục vụ công tác giảng dạy [H3-3.5-02], [H3-3.5-03].

Hàng năm, nhà trường có kế hoạch khuyến khích giáo viên tự tạo đồ dùng; đầu tư mua sắm và bảo quản, tu sửa thiết bị, đồ dùng bị hỏng, tiêu hao. Xây dựng nội quy sử dụng thiết bị nhằm sử dụng các thiết bị có hiệu quả nhất [H3-3.5-03].

Mức 3:

Phòng bộ môn các môn học có thí nghiệm, thực hành chưa đủ thiết bị để đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm chưa được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.6-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ đồ dùng thiết bị tối thiểu đảm bảo phục vụ cho công tác giảng dạy của giáo viên; đồng thời được trang bị thêm hàng năm và được bảo quản tốt. Giáo viên sử dụng thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập trong các giờ lên lớp phục vụ công tác giảng dạy và học tập tạo cho HS hứng thú, tiếp thu bài tốt hơn.

Có đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ việc dạy, học.

3. Điểm yếu

Nhà trường được xây mới 01 phòng bộ môn đã đưa vào khai thác, sử dụng trong năm học 2019 - 2020 nhưng hiện chưa có bàn ghế, thiết bị đạt chuẩn trong phòng.

Một số thiết bị chưa đảm bảo chất lượng nên dễ hỏng sau khi sử dụng. Một số thiết bị chất lượng chưa tốt, độ chính xác không cao dẫn đến giáo viên khó khăn khi làm các thí nghiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường đề nghị cấp có thẩm quyền tạo điều kiện để mua sắm thiết bị, hoá chất để các phòng bộ môn đạt chuẩn theo quy định.

Khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, quản lý, khai thác, sử dụng tốt đồ dùng dạy học đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện trường THPT Phan Đình Phùng có phòng đọc với diện tích 60 m². Về cơ bản đã đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ giáo viên nhân viên và HS [H3-3.6-05]. Hàng năm, thư viện được bổ sung thêm các loại sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, sách pháp luật để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập và tìm kiếm thông tin của CBGVNV và HS. Việc bổ sung hằng năm được thực hiện dựa trên đề xuất của các tổ chuyên môn, các bộ phận nhằm phục vụ tốt các HDGD của nhà trường [H3-3.6-01], [H3-3.6-03]. Tuy nhiên chưa có giấy chứng nhận thư viện đạt tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định của Bộ GD & ĐT. Hằng năm, thư viện nhà trường nhận SGK từ Sở GD & ĐT để cấp phát cho HS dân tộc thiểu số và HS theo chế độ cấp phát miễn phí.

Hoạt động của thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của CBGVNV và HS trong trường mục sách thư viện [H3-3.6-01]; Nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, dạy học, thư viện nhà trường đã xây dựng được Mục lục sách thư viện nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu, tìm tòi tư liệu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HS một cách kịp thời, nhanh chóng [H3-3.6-04].

Hàng năm, thư viện được kiểm kê, bổ sung thêm các loại sách, tài liệu tham khảo, sách pháp luật để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập và tìm kiếm thông tin của CBGVNV và học sinh. Việc bổ sung hằng năm được thực hiện dựa trên đề xuất của các tổ chuyên môn và các dự án cấp phát của Sở GD&ĐT [H3-3.6-01].

Mức 2:

Thư viện của nhà trường chưa đạt Thư viện trường học chuẩn.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường chưa đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên.

2. Điểm mạnh

Thư viện trường được đặt ở vị trí thuận tiện, yên tĩnh cho bạn đọc đến với thư viện.

Phòng đọc sạch sẽ, thoáng mát, yên tĩnh.

Thái độ phục vụ của cán bộ thư viện đối với bạn đọc tốt.

3. Điểm yếu

Số đầu sách tham khảo có trong thư viện còn chưa nhiều, chưa đa dạng.

Việc tuyên truyền giới thiệu sách chưa thường xuyên, việc đọc tại chỗ của giáo viên và học sinh còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch mua bổ sung thêm các loại sách, tài liệu tham khảo, sách pháp luật phù hợp nhu cầu học tập hiện nay của giáo viên và học sinh.

Thực hiện việc mượn, trả sách đúng quy định.

Thực hiện tuyên truyền, giới thiệu sách bằng các hoạt động, hình thức phù hợp với đối tượng học sinh THPT.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Trường THPT Phan Đình Phùng có khuôn viên riêng biệt, môi trường trong lành thoáng mát. Trường có đủ phòng học, bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng viết theo quy định. Thư viện nhà trường cơ bản có đủ tài liệu, sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập, sách tham khảo để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

Việc quản lý, sử dụng và bảo quản các khối phòng và trang thiết bị giáo dục được thực hiện tốt đã phát huy tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Phong trào xây dựng nhà trường xanh, sạch, đẹp, an toàn được chú trọng thực hiện thường xuyên với những giải pháp cụ thể mang tính ngắn hạn và dài hạn.

Trường THPT Phan Đình Phùng có khuôn viên riêng biệt, môi trường trong lành thoáng mát. Trường có đủ phòng học, bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng viết theo quy định. Thư viện nhà trường cơ bản có đủ tài liệu, sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập, sách tham khảo để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

Việc quản lý, sử dụng và bảo quản các khối phòng và trang thiết bị giáo dục được thực hiện tốt đã phát huy tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Phong trào xây dựng nhà trường xanh, sạch, đẹp, an toàn được chú trọng thực hiện thường xuyên với những giải pháp cụ thể mang tính ngắn hạn và dài hạn.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 5/6 (5/6) tiêu chí chiếm 83.4 %
- + Đạt Mức 3: 3/6 (2/5) tiêu chí chiếm 50 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là sự phối hợp chặt chẽ giữa 3 môi trường giáo dục được nhà trường luôn chú trọng và duy trì tốt. Quan hệ giữa nhà trường,

gia đình và xã hội tốt sẽ tạo ra thế đứng vững chắc cho sự tồn tại và phát triển của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, hạn chế những ảnh hưởng tác động xấu của xã hội đến học sinh, đồng thời đáp ứng, phục vụ tốt nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương. Trường THPT Phan Đình Phùng nằm ở thôn Đăk Kual 5 – xã Đăk ND’rưng – huyện Đak Song, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, điều kiện học tập của HS còn nhiều khó khăn, địa bàn dân cư thưa thớt trải rộng trên nhiều thôn, bon, trình độ dân trí còn thấp. Các em HS đi học chủ yếu bằng xe đạp, một phần phải ở trọ. PHHS ở xa nên việc bám sát, quan tâm đến việc học tập, rèn luyện và mối liên lạc với nhà trường còn khó khăn; tuy nhiên nhà trường cũng đã có ban đại diện CMHS thống nhất với nhà trường về mục tiêu, giải pháp giáo dục HS; Ban đại diện CMHS công tâm, nhiệt tình với mọi hoạt động của nhà trường. Nhà trường cùng với GVCN thường xuyên chủ động giữ mối liên hệ với gia đình, xã hội trong quá trình giáo dục HS và thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục.

Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động nguồn lực xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục. Ngoài ra nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho HS và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mỗi lớp đều có một Ban đại diện CMHS gồm 03 thành viên (trưởng ban, Phó ban, thư ký) được bầu trong hội nghị CMHS đầu năm của lớp; trường có Ban đại diện CMHS gồm 07 thành viên do Hội nghị CMHS toàn trường bầu ra [H4-4.1-01]. Ban đại diện CMHS trường đã cử ra Thường trực ban gồm 03 thành viên (01 trưởng ban, 01 phó ban, 1 thư ký). Công tác xây dựng tổ chức, nguyên tắc hoạt động, chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm của Ban đại diện CMHS trường THPT Phan Đình Phùng được thực hiện theo đúng Quy định tại các Điều 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 của Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT về ban hành Điều lệ hoạt động của Ban đại diện CMHS và tại khoản 1, Điều 44, Điều lệ trường trung học. Đầu năm học, nhà trường tiến hành họp CMHS

theo lớp. Qua các buổi họp, BGH, GVCN đã thông báo đến CMHS các nhiệm vụ và kế hoạch của nhà trường; bàn giải pháp phối hợp giáo dục [H4-4.1-03], [H4-4.1-04].

Ban đại diện CMHS trường có kế hoạch hoạt động theo năm học [H4-4.1-03]. Nhà trường luôn tạo điều kiện để Ban đại diện CMHS hoạt động theo kế hoạch như họp thường trực, cung cấp thông tin, kế hoạch phát triển của nhà trường. Giáo viên chủ nhiệm lớp thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với CMHS để cùng tham gia chăm lo giáo dục học sinh nhất là những em có hoàn cảnh khó khăn hoặc chậm tiến bộ trong học tập. Ban đại diện CMHS trường đã phối hợp với nhà trường chăm lo công tác giáo dục học sinh, động viên, khen thưởng học sinh đạt thành tích cao trong học tập, trong các phong trào hội thi và tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp [H4-4.1-02] [H4-4.1-05].

Ban đại diện CMHS trường tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ, được đại diện phụ huynh các lớp thông báo đến các phụ huynh tại cuộc họp phụ huynh học sinh giữa kỳ, cuối năm học [H4-4.1-02] [H4-4.1-05].

Mức 2:

Ban đại diện CMHS trường THPT Phan Đình Phùng đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp [H4-4.1-10].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện [H4-4.1-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Ban đại diện CMHS đúng quy định và Ban đại diện CMHS có xây dựng công tác tổ chức, báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động trong từng năm đúng quy định.

CMHS có sự quan tâm sâu sắc tới con em và HĐGD của nhà trường, có sự hỗ trợ về tinh thần và vật chất đặc biệt là thực hiện rất tốt công tác xã hội hóa giáo dục góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học của nhà trường.

Nhà trường cùng với phụ huynh luôn có sự liên lạc chặt chẽ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

3. Điểm yếu

Công tác lưu trữ hồ sơ không đầy đủ, các kế hoạch và báo cáo chưa chi tiết, chưa rõ ràng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường đã tăng cường công tác phối hợp trực tiếp với Ban đại diện CMHS và CMHS trong các hoạt động.

Cần có các kế hoạch và báo cáo chi tiết và rõ ràng hơn.

Hồ sơ phải lưu trữ đầy đủ, kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

- a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*
- b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*
- c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

- a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*
- b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đầu mỗi năm học, nhà trường có kế hoạch cụ thể phối hợp với Đảng ủy, chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương để tổ chức phối hợp các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường; phối hợp với các đoàn thể địa phương về công tác tuyển sinh lớp 10 THPT, thi THPTQG; phối hợp với các đơn vị có thẩm quyền tổ chức tuyên truyền đến học sinh, phụ huynh học sinh, cho học sinh ký cam kết đảm bảo an ninh trật tự khi tham gia giao thông; không buôn bán, sử dụng, vận chuyển pháo [H4-4.2-04], [H4-4.2-11].

Nhà trường tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau (qua các cuộc họp, qua các phương tiện truyền thông,...)[H4-4.2-04]; .

Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Hằng năm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, góp phần tu sửa CSVC nhà trường [H4-4.2-05].

Mức 2:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01].

Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H4-4.2-10], [H4-4.2-08].

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Trường là địa điểm tin cậy để tổ chức các sự kiện văn hóa lớn như phát động tháng Thanh niên, diễn đàn “Thanh niên với tình bạn đẹp và nói không với bạo lực học đường [H4-4.2-13].

2. Điểm mạnh

Cấp ủy, chính quyền nhà trường luôn tạo điều kiện về vật chất, tinh thần trong việc phối hợp với các tổ chức, cá nhân để tổ chức các hoạt động nhằm xây dựng, phát triển nhà trường.

Nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở địa phương về kế hoạch và các biện pháp để phát triển nhà trường nhằm huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc. Tích cực tham mưu và phối hợp với UBND, công an xã Đắk N’Drung - nơi trường đặt địa điểm để xây dựng môi trường nhà trường an toàn, lành mạnh.

3. Điểm yếu

Công tác vận động, huy động có lúc chưa thật kịp thời, chưa thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ cho nhà trường. Nguồn lực huy động trong phụ huynh còn rất thấp do kinh tế của đại đa số phụ huynh còn nghèo.

Có tham gia chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương nhưng chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường sẽ thường xuyên, chủ động hơn trong việc phối hợp với các đoàn thể ở địa phương trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục, tạo môi trường giáo dục lành mạnh cho học sinh.

Tiếp tục duy trì tham mưu và tranh thủ các nguồn lực của các đoàn thể trong và ngoài nhà trường để có kinh phí xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường, kịp thời hỗ trợ động viên, khen thưởng học sinh có hoàn cảnh khó khăn, các địa chỉ nhân đạo.

Có kế hoạch tìm địa chỉ cụ thể gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương để tri ân, chăm sóc.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội; thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ngoài nhà trường, tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục toàn diện cho học sinh. Nhà trường thường xuyên tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp và cách đánh giá học sinh, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục.

Nhà trường nằm ở vùng nông nghiệp thuần túy, cuộc sống của học sinh và phụ huynh còn khó khăn, không có các doanh nghiệp và các tổ chức kinh doanh lớn nên huy động các nguồn lực ủng hộ về xây dựng cơ sở vật chất, nâng cấp xây dựng cảnh quan môi trường; khuyến học, khuyến tài của nhà trường gặp nhiều khó khăn.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Nhà trường đã bám sát theo quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT để xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch các hoạt động giáo dục. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được chú trọng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trí dục, phát huy phẩm chất năng lực của học sinh. Duy trì các hoạt động dự giờ, hội giảng, viết sáng kiến kinh nghiệm, thi giáo viên giỏi, thi thiết kế đồ dùng dạy học, tích cực sử dụng thiết bị dạy học. Công tác chủ nhiệm được quan tâm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý học sinh, thúc đẩy động lực cho học sinh giỏi và giúp đỡ các học sinh yếu kém vươn lên trong rèn luyện đạo đức và học tập.

Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống thường xuyên được tổ chức lồng ghép trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp giúp các em hiểu biết hơn và có nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống từ đó tự điều chỉnh bản thân để có các hành vi ứng xử phù hợp.

Qua đó, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt: tỷ lệ lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến hằng năm đều tăng, kết quả học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa, thể dục thể thao và tham gia các hội thi khác có hiệu quả.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định của chương trình giáo dục. Ngay từ đầu các năm học nhà trường tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng bám sát các mục tiêu giáo dục, đáp ứng được quan điểm chỉ đạo của Đảng của tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như các hướng dẫn tổ chức thực hiện của Bộ. Sau khi được Sở GD&ĐT Đắk Nông phê duyệt, nhà trường triển khai thực hiện tới các tổ nhóm và cán bộ giáo viên, nhân viên trong đơn vị. Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, các tổ xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch hoạt động chuyên môn theo đúng quy định [H5-5.1-02], [H5-5.1-04].

Giáo viên xây dựng nội dung chương trình giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực phẩm chất học sinh, vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào các tiết dạy, tổ chức hoạt động dạy học tích cực đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H1-1.8-01]. Tăng cường bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H5-5.1-09].

Nhà trường thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra và phù hợp với đặc trưng yêu cầu của bộ môn, thực hiện đánh giá thường xuyên đối với học sinh: đánh giá ý thức học tập trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập [H5-5.1-12]. Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề thi, kiểm tra giữa kỳ, cuối học kỳ, cuối năm học theo ma trận. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao. Nội dung kiểm tra yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương, đất nước đối với các môn khoa học xã hội để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội [H5-5.1-05].

Mức 2:

Từ năm học 2019- 2020, nhà trường tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, các tổ xây dựng kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực phẩm chất học sinh; đến năm học 2020-2021; 2021-2022 đã áp dụng chương trình giáo dục nhà trường ở tất cả các môn học: rà soát sắp xếp lại thành các chủ đề dạy học dành thời lượng cho thực hành; đảm bảo mục tiêu giáo dục, đáp ứng được quan điểm chỉ đạo của Đảng và các hướng dẫn tổ chức thực hiện của Bộ. Sau khi phê duyệt nhà trường triển khai thực hiện tới các tổ, nhóm chuyên môn [H5-5.1-03], [H5-5.1-08].

Những năm qua nhà trường quan tâm công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, trong đó phát triển học sinh có năng khiếu thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa, giáo viên xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi văn hóa, thể dục thể thao, kế hoạch phụ

đạo học sinh yếu kém, học sinh khó khăn nhằm bồi dưỡng năng khiếu và nâng cao chất lượng giáo dục [H5-5.1-09]. Kết quả công tác bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa còn chưa được như mong muốn, mới đạt kết quả khá tốt trong việc bồi dưỡng học sinh giỏi các môn thể dục thể thao [H5-5.1-11], [H5-5.1-13].

Mức 3:

Về chuyên môn, hằng tháng nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của mỗi giáo viên đánh giá thêm về chất lượng xây dựng kế hoạch giáo dục theo phương hướng đổi mới, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy [H5-5.1-02], [H5-5.1-03], [H5-5.1-04]. Tuy nhiên, việc phân tích, đánh giá, điều chỉnh chuyên môn còn hạn chế, chưa đi sâu vào được cốt lõi của vấn đề tồn tại.

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức dạy đủ các môn học theo quy định, sắp xếp, tinh giản nội dung dạy học, bổ sung thông tin mới thay thế thông tin cũ lạc hậu; xây dựng được chương trình giáo dục nhà trường định hướng phát triển năng lực phẩm chất học sinh ở các môn học.

Giáo viên nhà trường vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào các tiết dạy, tổ chức hoạt động dạy học tích cực đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; tăng cường bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Nhà trường thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra và phù hợp với đặc trưng yêu cầu của bộ môn, quá trình kiểm tra đánh giá thúc đẩy quá trình dạy học.

Nhà trường quan tâm phát hiện và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu thể thao đạt kết quả cao: hàng năm có học sinh giỏi các cấp, công tác bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa cũng được nhà trường quan tâm và đầu tư; rà soát xây dựng kế hoạch phụ đạo những học sinh gặp khó khăn trong học tập và học sinh yếu kém để nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Một số bộ môn việc thực hiện sắp xếp lại chương trình vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, hiện tại chỉ sắp xếp tổ chức lại phân phối chương trình một cách đơn giản chưa điều chỉnh tổng thể.

Công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa còn chưa đạt hiệu quả cao.

Việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học chưa được nhà trường thực hiện quyết liệt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 tiếp tục điều chỉnh việc xây dựng chương trình giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Trên tinh thần kế thừa chương trình những năm học trước, lựa chọn các chủ đề, rà soát nội dung các bài học trong sách giáo khoa hiện hành tương ứng với chủ đề đó để sắp xếp lại thành một số bài học tích hợp của từng môn học hoặc liên môn; từ đó, xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Trong đó, bổ sung kỹ hơn các hoạt động giáo dục trải

nghiệm, giáo dục kỹ năng sống. Học hỏi tham khảo trường bạn trong tỉnh về công tác bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa để đạt hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đầu mỗi năm học nhà trường tập hợp danh sách những học sinh có hoàn cảnh khó khăn như con hộ nghèo, hộ cận nghèo, hoàn cảnh đặc biệt khác; rà soát học sinh có năng khiếu thể dục thể thao, học sinh giỏi các môn, học sinh học yếu, kém; học sinh khuyết tật từ đó xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập [H5-5.2-01], [H5-5.2-03].

Nhà trường chỉ đạo các giáo viên chủ nhiệm tiến hành phân loại từng đối tượng học sinh trong lớp mình ngay từ đầu năm học trong đó học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học lực yếu được quan tâm giúp đỡ về vật chất và tinh thần [H5-5.2-01]. Học sinh có năng khiếu môn thể thao được giáo viên môn thể dục bồi dưỡng, học sinh giỏi văn hóa được bố trí bồi dưỡng theo sự phân công của nhà trường, đồng thời kêu gọi động viên hỗ trợ từ các nguồn khác nhau để động viên các em như khen thưởng của hội Khuyến học huyện, khen thưởng của Ban đại diện cha mẹ học sinh và các nguồn khuyến học từ các tổ chức xã hội khác. Qua đó tạo động lực và góp phần không nhỏ vào kết quả và mục tiêu giáo dục đề ra [H5-5.1-11], [H5-5.1-13].

Cuối năm học, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu trong các đội tuyển học sinh giỏi văn hóa, thể dục thể thao và trong các hoạt động phong trào khác [H5-5.1-12].

Mức 2:

Với việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiêm túc, hàng năm kết quả đã giảm tối đa tỷ lệ học sinh yếu kém, không để học sinh phải nghỉ học do hoàn cảnh khó khăn, kết quả công tác bồi dưỡng học sinh giỏi đạt được mục tiêu đề ra từ đầu năm [H5-5.2-07], [H5-5.1-12].

Mức 3:

Trong những năm gần đây, nhà trường luôn chú trọng trong công tác bố trí các giáo viên có năng lực lựa chọn bồi dưỡng từ lớp 10 đến lớp 12 nên nhiều năm nhà trường đều có giải chính thức học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh, cấp quốc gia; học sinh giỏi thể dục thể thao có giải cấp huyện, cấp tỉnh, các hoạt động văn hóa văn nghệ của cá nhân và tập thể học sinh nhà trường được các đoàn thể ban ngành cấp trên ghi nhận [H5-5.1-11], [H5-5.1-13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến các đối tượng học sinh hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu tạo điều kiện để các em phát triển năng lực cá nhân và vượt qua hoàn cảnh. Xây dựng kế hoạch và phương thức để tổ chức bồi dưỡng giúp đỡ các đối tượng đạt được hiệu quả giáo dục tích cực;

Nhà trường thực hiện tốt công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, nhiều năm liền trở lại đây đội tuyển học sinh giỏi thể dục thể thao của nhà trường luôn có giải nhất cá nhân và đứng trong top đầu giải toàn đoàn cấp tỉnh.

3. Điểm yếu

Việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa còn chưa đạt kết quả nổi bật.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì phát huy những kết quả giáo dục học sinh hoàn cảnh khó khăn, học sinh giỏi. Từ năm học 2022-2023 xây dựng kế hoạch cần triển khai rõ trách nhiệm của từng cá nhân và mục tiêu đạt được cụ thể khi tổ chức giáo dục học sinh hoàn cảnh khó khăn, học sinh giỏi. Nhà trường trang bị đủ các thiết bị cho tập luyện các môn thể dục thể thao như bóng bàn, cầu lông, điền kinh để các học sinh tập. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi: bố trí thời lượng bồi dưỡng tăng lên so với năm học 2021-2022, động viên khen thưởng học sinh và giáo viên có thành tích trong bồi dưỡng học sinh giỏi được cấp trên ghi nhận, tham khảo cách làm của các trường khác.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định****Mức 1:**

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương đối với các môn học theo hướng dẫn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 của Bộ GD&ĐT, Tiếp tục thực hiện chương

trình Giáo dục địa phương các môn Ngữ văn, Địa lý, Lịch sử, Giáo dục công dân [H5-5.3-02], đưa nội dung giáo dục Công viên địa chất toàn cầu của Đắk Nông vào chương trình Tài liệu giáo dục địa phương CT GDPT mới từ lớp 10 đến lớp 12 [H5-5.3-03].

Nhà trường luôn coi trọng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả của việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương. Các hình thức kiểm tra và đánh giá học sinh đa dạng về hình thức như: Kiểm tra miệng, tích hợp trong bài kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả nghiên cứu của học sinh [H5-5.3-05]. Về chất lượng và nội dung giáo dục địa phương được giáo viên giảng dạy thực hiện nghiêm túc, đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Hằng năm nhà trường luôn chú trọng việc rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương được giảng dạy một cách hợp lý phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện địa phương học sinh đang sinh sống [H5-5.3-06].

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương đã góp phần thực hiện mục tiêu môn học, gắn lý luận với thực tiễn. Trong kế hoạch giảng dạy, ngoài việc liên hệ với thực tiễn hoạt động kinh tế - xã hội, văn hoá, lịch sử địa phương; nội dung các bài dạy đảm bảo nội dung giáo dục địa phương ở các phần:

Giảng dạy các tiết học (bài, môđun, chủ đề...) đã quy định dành cho giáo dục địa phương;

Đưa nội dung giáo dục địa phương thành một phần của tiết học (bài, môđun, chủ đề...) [H5-5.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả nội dung giáo dục địa phương, kiểm tra đánh giá nội dung giáo dục địa phương đúng quy định.

Thực hiện nghiêm túc nội dung rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục địa phương theo phân phối chương trình đã quy định.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên cập nhật thông tin của địa phương để bổ sung, thay thế cho những nội dung đã cũ trong tài liệu còn chậm, các hình thức kiểm tra đánh giá còn chưa đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường quan tâm chỉ đạo thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương đối với các môn học theo qui định.

Tiếp tục đầu tư thời gian, kinh phí để các tổ nhóm chuyên môn sưu tầm tài liệu giáo dục địa phương, phục vụ cho các tiết dạy đạt hiệu quả giáo dục truyền thống cao. Cập nhật kịp thời tài liệu giáo dục địa phương của cấp trên ban hành, tham khảo và khai thác các nội dung về giáo dục địa phương thông qua sách báo và tin tức của địa phương.

Khuyến khích giáo viên và học sinh sưu tầm bổ sung các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để nâng cao hiệu quả bài học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo từng tháng gắn liền với các chủ đề trong các năm học từ 2019-2020 đến nay; kế hoạch hoạt động trải nghiệm từ năm học 2019 – 2020 đến nay và đặc biệt kế hoạch giáo dục hướng nghiệp cho học sinh được xây dựng theo từng năm học trong đó chú trọng đến các em học sinh khối 12 [H5-5.4-04]. Chú trọng việc tư vấn lựa chọn nghề nghiệp cho học sinh trung học phổ thông theo Quyết định 1094/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2021- 2022, nhà trường thực hiện hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo kế hoạch, tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động gắn liền với các chủ đề chủ điểm từng tháng dưới hình thức sân khấu hóa. Nhà trường đã tuyên truyền để tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động trải nghiệm đối với học sinh, trong đó đa dạng các hình thức trải nghiệm, hoạt động hướng nghiệp cho học sinh khối lớp 12 được triển khai theo đợt nhằm giúp các em có sự chuẩn bị tốt nhất là bước khởi đầu quan trọng cho sự định hướng và dự định tiếp theo [H5-5.4-02].

Trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ và hướng nghiệp, nhà trường huy động các giáo viên chủ nhiệm tham gia quản lý và phụ trách nội dung các hoạt động được tổ chức trong phạm vi của lớp; phân công giáo viên môn Giáo dục công dân phụ trách nội dung các hoạt động tổ chức phạm vi rộng.

Mức 2:

Nhà trường chỉ đạo các bộ phận tổ chức trong đó đa dạng hình thức trải nghiệm: Phạm vi trong giờ học với các tiết thực hành thí nghiệm khám phá tìm tòi phát hiện kiến thức; các hoạt động ngoài giờ như câu lạc bộ văn nghệ, tập thể dục giữa giờ, thi đấu thể thao [H5-5.4-02].

Sau mỗi đợt tổ chức hoạt động ngoài giờ nhà trường đánh giá việc thực hiện kế hoạch từ đó đánh giá thực trạng, đề ra giải pháp cho năm học tiếp theo thực hiện tốt hơn.

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng nhà trường đã triển khai cho các giáo viên ở các bộ môn liên quan thực hiện các nội dung giáo dục địa phương ngay từ đầu năm học.

Nội dung giáo dục địa phương được điều chỉnh, bổ sung và cập nhật kịp thời gắn với thực tiễn trong quá trình dạy học.

Nhà trường luôn quan tâm tạo mọi điều kiện thuận lợi để học sinh được học ngoài giờ, tham gia các hoạt động trải nghiệm, thi nghề phổ thông.

3. Điểm yếu

Việc giáo dục địa phương cho học sinh bằng hình thức tham quan thực tế hay trải nghiệm thực hiện còn hạn chế.

Tài liệu giáo dục địa phương, giáo dục bảo tồn bản sắc dân tộc còn ít và chưa phong phú về thể loại cũng như đầu sách.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường quan tâm chỉ đạo thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương đối với các môn học theo qui định.

Phối hợp với cha mẹ học sinh trong công tác tổ chức các hoạt động tham quan thực tế, trải nghiệm các nội dung về giáo dục địa phương.

Tăng cường công tác chỉ đạo, cập nhật các số liệu về địa phương nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các nội dung giáo dục địa phương phù hợp với thực tiễn.

Bổ sung thêm tư liệu giáo dục địa phương vào lưu trữ thư viện cho học sinh và giáo viên tham khảo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Với sự tham mưu của Đoàn trường và tổ chuyên môn xã hội, Lãnh đạo trường kiểm tra và duyệt kế hoạch giáo dục kỹ năng sống từng năm học; trong đó đa dạng hình thức giáo

dục kỹ năng sống từ việc xây dựng kế hoạch bài dạy, đến tổ chức các hoạt động tập thể [H5-5.5-11].

Hoạt động giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh được nhà trường tổ chức thông qua các tình huống cụ thể, tổ chức lồng ghép trong các môn học, hoạt động tập thể và các hoạt động trải nghiệm: Giáo dục học sinh ý thức chấp hành luật giao thông, cách phòng tránh tai nạn giao thông qua môn học Giáo dục công dân, bài giảng an toàn giao thông. Chú trọng các kỹ năng giao tiếp thiết yếu cho học sinh; kỹ năng ứng xử biết kiềm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm [H5-5.5-05] [H5-5.5-06] [H5-5.5-10].

Các nội dung giáo dục và tư vấn về sức khỏe thể chất, tinh thần nói riêng, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống nói chung phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh có tác động tích cực tới việc hình thành nhân cách học sinh, đạo đức học sinh có chuyển biến tích cực [H1-1.5-02], [H1-1.5-03] [H2-2.4-05].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện đa dạng hóa hình thức kiểm tra đánh giá trong đó kiểm tra định kỳ, thường xuyên, hình thức tự luận, trắc nghiệm và hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập và nhận xét đánh giá bài học cụ thể [H1-1.8-10].

Học sinh nhà trường từng bước vận dụng kiến thức vào thực tiễn bao gồm việc vận dụng kiến thức đã có để giải quyết các vấn đề thuộc về nhận thức và việc vận dụng kiến thức vào thực tiễn sản xuất trong đời sống, sinh hoạt hàng ngày như làm bài thực hành, làm thí nghiệm, áp dụng trong chăn nuôi, trồng trọt, giải thích các hiện tượng tự nhiên, các vấn đề sinh học trong nông nghiệp [H1-1.8-08].

Mức 3:

Hàng năm nhà trường phát động phong trào nghiên cứu khoa học trong học sinh toàn trường. Trên cơ sở hướng dẫn của giáo viên, học sinh nhà trường đã hoàn thành 1 sản phẩm tham gia dự thi cấp tỉnh [H2-2.2-06]. Tuy nhiên, nghiên cứu khoa học chưa thực sự thành phong trào đối với toàn bộ học sinh, mới chỉ có một nhóm nhỏ học sinh tham gia.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đa dạng các hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Học sinh được giáo dục và hình thành các kỹ năng cơ bản để hình thành nhân cách công dân.

3. Điểm yếu

Tài liệu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh còn hạn chế, giáo viên chưa được tập huấn thường xuyên về nội dung giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống nên việc dạy lồng ghép kỹ năng sống vào các môn học còn hạn chế.

Phong trào nghiên cứu khoa học chưa được toàn bộ học sinh hưởng ứng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì các nội dung giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể cho học sinh; rèn luyện các kỹ năng cơ bản nhất để học sinh có thể vận dụng vào cuộc sống sau này.

Tiếp tục phối kết hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh, các lực lượng xã hội, các tổ chức trong nhà trường để tuyên truyền giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch đầu tư nguồn kinh phí, kêu gọi sự ủng hộ từ cha mẹ học sinh cho các hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh.

Triển khai tuyên truyền, hướng dẫn tới học sinh để học sinh tự giác có ý tưởng nghiên cứu khoa học từ đó chọn lựa những dự án khả thi, kêu gọi sự hỗ trợ từ các nhà hảo tâm, hội phụ huynh học sinh để có kinh phí hoàn thành dự án.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- c) *Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

- a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*
- b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh: - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học. - Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên;*

b) *Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: - Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học*

sinh bỏ học. - Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường luôn xác định rõ nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục là nhiệm vụ cốt lõi, đóng vai trò then chốt quyết định đến sứ mệnh và thương hiệu của nhà trường. Nhà trường chú trọng xây dựng kế hoạch từng năm học, đặt các mục tiêu chỉ tiêu cần đạt đối với giáo dục đạo đức, giáo dục văn hóa, có nhiều biện pháp tích cực để nâng cao kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh. Cụ thể như sau:

Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.6-01], [H1-1.1-04].

Năm học	Kế hoạch đầu năm học	Kết quả cuối năm học
2021 – 2022		
Học lực	Giỏi 12%, Khá 45%, TB 43%, Yếu 0%	Giỏi 14,31%, Khá 41,23%, TB 41,74%, Yếu 1,53%, Kém 1,19%.
Hạnh kiểm	Tốt 90%, Khá 10%, TB 0%, Yếu 0%	Tốt 77,95%, Khá 19,15%, TB 2,91%, Yếu 0%

Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban năm học 2021 – 2022

Học sinh bỏ học 0 % < 1% (đạt mức 3)

Học sinh lưu ban 2,72 % > 2% (không đạt mức 3)

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp gần đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.6-03], [H5-5.6-02].

Năm học 2021 – 2022	Kế hoạch đầu năm học	Kết quả cuối năm học
Lên lớp	99,7%	96,94%
Tốt nghiệp	100%	96,95%

Công tác phân luồng học sinh được nhà trường quan tâm, hằng năm học sinh khối 12 được tuyên truyền nhận thức, ý thức nghề nghiệp trước khi dự thi THPT quốc gia nên các em chủ động định hướng việc học tập sau khi tốt nghiệp. Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 của trường có 40 học sinh chỉ đăng ký thi để xét tốt nghiệp (chiếm 30%) có dự định học nghề hoặc học trong các trường vừa học vừa làm [H5-5.6-03].

Mức 2:

Trong 05 năm trở lại đây, chất lượng nhà trường có chuyển biến tích cực trong đó tỷ lệ học sinh đạt loại khá, giỏi tăng dần theo từng năm học, tỷ lệ học sinh xếp học lực loại yếu giảm dần từng năm; nền nếp và kỷ luật của học sinh đã được cải thiện rõ rệt so với trước, tỷ lệ học sinh đạt hạnh kiểm tốt cũng tăng dần lên [H5-5.6-02].

Cùng với những kết quả đạt được về học lực, hạnh kiểm trong những năm gần đây thì tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp và học sinh lưu ban đều chuyển biến theo hướng tích cực tạo được niềm tin của nhân dân địa phương [H2-2.4-10], [H2-2.4-11].

Mức 3:

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh năm học 2021 – 2022

Học lực: Loại Giỏi 14,31% > 10% (đạt mức 3)

Loại Khá 41,23% > 25% (đạt mức 3)

Loại Yếu 1,53% < 5% (đạt mức 3)

Hạnh kiểm: Loại Khá, Tốt 97,1% > 90% (đạt mức 3).

Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban năm học 2021 – 2022

Học sinh bỏ học % < 1% (đạt mức 3)

Học sinh lưu ban 2,72% < 2% (không đạt mức 3).

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chú trọng và có nhiều biện pháp cụ thể, thiết thực để nâng cao chất lượng đại trà, chất lượng học sinh giỏi và tỷ lệ tốt nghiệp THPT;

Hạnh kiểm, học lực, tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong đó nền nếp học sinh có sự thay đổi rõ nét.

3. Điểm yếu

Trường vẫn còn học sinh xếp loại học lực yếu. Trong 05 năm gần đây vẫn còn có một lượng nhỏ học sinh bỏ học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chú trọng việc cải tiến xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động chuyên môn hằng năm phải cụ thể, chính xác, khoa học phù hợp với điều kiện đội ngũ và cơ sở vật chất của nhà trường. Chú trọng việc phân công chuyên môn đảm bảo đúng người, đúng việc, đúng năng lực chuyên môn, gắn trách nhiệm của cá nhân khi tập thể giao nhiệm vụ.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn tiếp tục chỉ đạo giáo viên thường xuyên, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc trưng môn học, đặc điểm lứa tuổi, đối tượng học sinh, bồi dưỡng ý thức tự học trong học sinh. Sử dụng hợp lý sách giáo khoa, thiết bị dạy học và ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin vào giảng dạy.

Chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc việc dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát huy năng lực học sinh, theo chuẩn kiến thức kỹ năng; thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh.

Quan tâm đến học sinh gặp khó khăn trong học tập, hỗ trợ giúp đỡ học sinh yếu, học sinh hoàn cảnh khó khăn, học sinh nhận thức chậm để các em hòa nhập cùng với tập thể lớp.

Xây dựng mối liên hệ thường xuyên giữa nhà trường với cha mẹ học sinh để có biện pháp giáo dục học sinh kịp thời, hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Qua đánh giá đúng thực trạng của nhà trường trong việc thực hiện chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục, nhà trường tự đánh giá có những ưu điểm và hạn chế cơ bản sau:

Chương trình, kế hoạch giáo dục được triển khai đúng chủ đề, chủ điểm năm học và đúng quy định của Bộ, Sở GD&ĐT có điều chỉnh trong việc thực hiện cho phù hợp với thực tiễn nhà trường.

Hàng năm nhà trường đều đạt và vượt các chỉ tiêu về chất lượng của hoạt động giáo dục theo kế hoạch xây dựng đầu năm học. Lãnh đạo đã quan tâm đôn đốc kiểm tra các hoạt động giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh.

Kết quả giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh cũng như tỷ lệ học sinh tốt nghiệp được giữ ổn định đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường và chuyển biến tích cực trong 05 năm học liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, thể hiện trong các kỳ hội giảng cấp tỉnh, trong các kì thi học sinh giỏi các môn văn hóa, thể dục thể thao, văn nghệ do các cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

Các hoạt động ngoài giờ lên lớp được tổ chức bằng nhiều hình thức phong phú, tập trung giáo dục đạo đức, giá trị sống, kỹ năng sống nâng cao nhận thức về giáo dục địa phương cho học sinh.

Nhà trường bước đầu đã có sự rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục tuy nhiên còn chưa phân tích kỹ để từ đó có sự cải tiến cách thức tổ chức các hoạt động.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 6/6 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: (27/28) (27/28) tiêu chí chiếm 96.5 %
- + Đạt Mức 3: (25/28) (17/20) tiêu chí chiếm 89.3 %

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

- + Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT, trường THPT Phan Đình Phùng tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1. Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp uỷ, chính quyền địa

phương, các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng chất lượng và hoàn thiện hơn.

Đăk Song, ngày 03 tháng 06 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Văn Hiến

